

## Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Mục 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU

#### 1.1. Giới thiệu chung

1.1.1. Tên dự án: Sản xuất kinh doanh;

1.1.2. Tên gói thầu: Khảo sát giám sát môi trường các tháng từ Quý 2/2026 đến các tháng Q1/2027 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

1.1.3. Hạng mục khảo sát giám sát môi trường các tháng từ Quý 2/2026 đến các tháng Q1/2027 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;

1.1.4. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;

1.1.5. Nguồn vốn: Sản xuất kinh doanh

1.1.6. Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Quyết định số 929/QĐ-PPC ngày 12 tháng 3 năm 2026;

1.1.7. Địa điểm thi công công trình: Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại - Phường Chí Linh -TP Hải Phòng.

1.1.8. Quy mô gói thầu: Giá gói thầu: 695.368.800 VND;

1.1.9. Hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng, một giai đoạn một túi hồ sơ;

1.1.10. Loại hợp đồng: Trọn gói;

1.1.11. Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày.

#### 1.2. Phạm vi cung cấp dịch vụ:

Nhà thầu cung cấp dịch vụ nhân công, máy thi công, vật tư, vật liệu phụ, thiết bị phụ tùng thay thế để thực hiện toàn bộ các công việc sau đây:

Bảng phạm vi cung cấp dịch vụ (\*):

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
I	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh các tháng từ Quý 2 /2026 đến các tháng Q1/2027</b>	Chi tiết tại mục 2 chương V. Yêu cầu về kỹ thuật			Công ty CPND Phả Lại	365 ngày

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
<b>1</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 4 (6 chỉ tiêu)</b>					
1.1	CO		7	Mẫu		
1.2	CO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
1.3	SO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
1.4	NO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
1.5	Bụi		7	Mẫu		
1.6	Tiếng ồn		7	Mẫu		
<b>2</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 5 (6 chỉ tiêu)</b>					
2.1	CO		7	Mẫu		
2.2	CO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
2.3	SO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
2.4	NO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
2.5	Bụi		7	Mẫu		
2.6	Tiếng ồn		7	Mẫu		
<b>3</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 6 (6 chỉ tiêu)</b>					
3.1	CO		7	Mẫu		
3.2	CO <sub>2</sub>		7	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
3.3	SO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
3.4	NO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
3.5	Bụi		7	Mẫu		
3.6	Tiếng ồn		7	Mẫu		
<b>4</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 7 (6 chỉ tiêu)</b>					
4.1	CO		7	Mẫu		
4.2	CO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
4.3	SO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
4.4	NO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
4.5	Bụi		7	Mẫu		
4.6	Tiếng ồn		7	Mẫu		
<b>5</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 8 (6 chỉ tiêu)</b>					
5.1	CO		7	Mẫu		
5.2	CO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
5.3	SO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
5.4	NO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
5.5	Bụi		7	Mẫu		
5.6	Tiếng ồn		7	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
<b>6</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 9 (6 chỉ tiêu)</b>					
6.1	CO		7	Mẫu		
6.2	CO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
6.3	SO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
6.4	NO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
6.5	Bụi		7	Mẫu		
6.6	Tiếng ồn		7	Mẫu		
<b>7</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 10 (6 chỉ tiêu)</b>					
7.1	CO		7	Mẫu		
7.2	CO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
7.3	SO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
7.4	NO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
7.5	Bụi		7	Mẫu		
7.6	Tiếng ồn		7	Mẫu		
<b>8</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 11 (6 chỉ tiêu)</b>					
8.1	CO		7	Mẫu		
8.2	CO <sub>2</sub>		7	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
8.3	SO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
8.4	NO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
8.5	Bụi		7	Mẫu		
8.6	Tiếng ồn		7	Mẫu		
<b>9</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 12 (6 chỉ tiêu)</b>					
9.1	CO		7	Mẫu		
9.2	CO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
9.3	SO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
9.4	NO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
9.5	Bụi		7	Mẫu		
9.6	Tiếng ồn		7	Mẫu		
<b>10</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 1/2027 (6 chỉ tiêu)</b>					
10.1	CO		7	Mẫu		
10.2	CO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
10.3	SO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
10.4	NO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
10.5	Bụi		7	Mẫu		
10.6	Tiếng ồn		7	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
<b>11</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 2/2027 (6 chỉ tiêu)</b>					
11.1	CO		7	Mẫu		
12.2	CO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
13.3	SO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
14.4	NO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
15.5	Bụi		7	Mẫu		
16.6	Tiếng ồn		7	Mẫu		
<b>12</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 3/2027(6 chỉ tiêu)</b>					
12.1	CO		7	Mẫu		
13.2	CO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
14.3	SO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
15.4	NO <sub>2</sub>		7	Mẫu		
16.5	Bụi		7	Mẫu		
17.6	Tiếng ồn		7	Mẫu		
<b>II</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường nước thải các tháng từ Quý 2 /2026 đến các tháng Q1/2027</b>					
<b>1</b>	<b>Nước thải công nghiệp tháng 4(31 chỉ tiêu)</b>					

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi mẫu	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
1.1	Nhiệt độ		2	Mẫu		
1.2	pH		2	Mẫu		
1.3	Màu		2	Mẫu		
1.4	BOD <sub>5</sub>		2	Mẫu		
1.5	COD		2	Mẫu		
1.6	Dầu mỡ khoáng		2	Mẫu		
1.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)		2	Mẫu		
1.8	Cd		2	Mẫu		
1.9	As		2	Mẫu		
1.10	Hg		2	Mẫu		
1.11	Mn		2	Mẫu		
1.12	Photpho hữu cơ		2	Mẫu		
1.13	Photpho tổng số		2	Mẫu		
1.14	Fe		2	Mẫu		
1.15	Amoniac		2	Mẫu		
1.16	Sunfua		2	Mẫu		
1.17	Ni tơ tổng số		2	Mẫu		
1.18	Clo dư		2	Mẫu		
1.19	Nitrat		2	Mẫu		
1.20	Colifom		2	Mẫu		
1.21	Pb		2	Mẫu		
1.22	Zn		2	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
1.23	Cu		2	Mẫu		
1.24	Cr <sup>3+</sup>		2	Mẫu		
1.25	Cr <sup>6+</sup>		2	Mẫu		
1.26	Ni		2	Mẫu		
1.27	CN <sup>-</sup>		2	Mẫu		
1.28	Phenol		2	Mẫu		
1.29	Florua		2	Mẫu		
1.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$		2	Mẫu		
1.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$		2	Mẫu		
<b>2</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 4 (02 chỉ tiêu)</i></b>					
2.1	Nhiệt độ		2	Mẫu		
2.2	Clo dư		2	Mẫu		
<b>3</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 4 (16 chỉ tiêu)</i></b>					
3.1	pH		1	Mẫu		
3.2	BOD <sub>5</sub>		1	Mẫu		
3.3	COD		1	Mẫu		
3.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)		1	Mẫu		
3.5	Cd		1	Mẫu		
3.6	As		1	Mẫu		
3.7	Hg		1	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
3.8	Amoni (tính theo N)		1	Mẫu		
3.9	Sunfua		1	Mẫu		
3.10	Colifom		1	Mẫu		
3.11	Pb		1	Mẫu		
3.12	Photphat ( $PO^3_4$ )		1	Mẫu		
3.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt		1	Mẫu		
3.14	Dầu mỡ động thực vật		1	Mẫu		
3.15	Nitrat		1	Mẫu		
3.16	Tổng chất rắn hòa tan		1	Mẫu		
<b>4</b>	<b><i>Nước thải tháng công nghiệp tháng 5(31 chỉ tiêu)</i></b>					
4.1	Nhiệt độ		2	Mẫu		
4.2	pH		2	Mẫu		
4.3	Màu		2	Mẫu		
4.4	BOD <sub>5</sub>		2	Mẫu		
4.5	COD		2	Mẫu		
4.6	Dầu mỡ khoáng		2	Mẫu		
4.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)		2	Mẫu		
4.8	Cd		2	Mẫu		
4.9	As		2	Mẫu		
4.10	Hg		2	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
4.11	Mn		2	Mẫu		
4.12	Photpho hữu cơ		2	Mẫu		
4.13	Photpho tổng số		2	Mẫu		
4.14	Fe		2	Mẫu		
4.15	Amoni		2	Mẫu		
4.16	Sulfua		2	Mẫu		
4.17	Ni tổng số		2	Mẫu		
4.18	Clo dư		2	Mẫu		
4.19	Nitrat		2	Mẫu		
4.20	Coliform		2	Mẫu		
4.21	Pb		2	Mẫu		
4.22	Zn		2	Mẫu		
4.23	Cu		2	Mẫu		
4.24	Cr <sup>3+</sup>		2	Mẫu		
4.25	Cr <sup>6+</sup>		2	Mẫu		
4.26	Ni		2	Mẫu		
4.27	CN <sup>-</sup>		2	Mẫu		
4.28	Phenol		2	Mẫu		
4.29	Fluorua		2	Mẫu		
4.30	Tổng hoạt động phóng xạ α		2	Mẫu		
4.31	Tổng hoạt động phóng xạ β		2	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi mẫu	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
5	<i>Nước thải làm mát tháng 5(02 chỉ tiêu)</i>					
5.1	Nhiệt độ		2	Mẫu		
5.2	Clo dư.		2	Mẫu		
6	<i>Nước thải sinh hoạt tháng 5(16 chỉ tiêu)</i>					
6.1	pH		1	Mẫu		
6.2	BOD <sub>5</sub>		1	Mẫu		
6.3	COD		1	Mẫu		
6.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)		1	Mẫu		
6.5	Cd		1	Mẫu		
6.6	As		1	Mẫu		
6.7	Hg		1	Mẫu		
6.8	Amoni (tính theo N)		1	Mẫu		
6.9	Sunfua		1	Mẫu		
6.10	Colifom		1	Mẫu		
6.11	Pb		1	Mẫu		
6.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )		1	Mẫu		
6.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt		1	Mẫu		
6.14	Dầu mỡ động thực vật		1	Mẫu		
6.15	Nitrat		1	Mẫu		
6.16	Tổng chất rắn hòa tan		1	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
7	<i>Nước thải công nghiệp tháng 6 (31 chỉ tiêu)</i>					
7.1	Nhiệt độ		4	Mẫu		
7.2	pH		4	Mẫu		
7.3	Màu		4	Mẫu		
7.4	BOD <sub>5</sub>		4	Mẫu		
7.5	COD		4	Mẫu		
7.6	Dầu mỡ khoáng		4	Mẫu		
7.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)		4	Mẫu		
7.8	Cd		4	Mẫu		
7.9	As		4	Mẫu		
7.10	Hg		4	Mẫu		
7.11	Mn		4	Mẫu		
7.12	Photpho hữu cơ		4	Mẫu		
7.13	Photpho tổng số		4	Mẫu		
7.14	Fe		4	Mẫu		
7.15	Amoniac		4	Mẫu		
7.16	Sunfua		4	Mẫu		
7.17	Ni tơ tổng số		4	Mẫu		
7.18	Clo dư		4	Mẫu		
7.19	Nitrat		4	Mẫu		
7.20	Colifom		4	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
7.21	Pb		4	Mẫu		
7.22	Zn		4	Mẫu		
7.23	Cu		4	Mẫu		
7.24	Cr <sup>3+</sup>		4	Mẫu		
7.25	Cr <sup>6+</sup>		4	Mẫu		
7.26	Ni		4	Mẫu		
7.27	CN <sup>-</sup>		4	Mẫu		
7.28	Phenol		4	Mẫu		
7.29	Florua		4	Mẫu		
7.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$		4	Mẫu		
7.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$		4	Mẫu		
<b>8</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 6(02 chỉ tiêu)</i></b>					
8.1	Nhiệt độ		2	Mẫu		
8.2	Clo dư		2	Mẫu		
<b>9</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 6(16 chỉ tiêu)</i></b>					
9.1	pH		1	Mẫu		
9.2	BOD <sub>5</sub>		1	Mẫu		
9.3	COD		1	Mẫu		
9.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)		1	Mẫu		
9.5	Cd		1	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
9.6	As		1	Mẫu		
9.7	Hg		1	Mẫu		
9.8	Amoni (tính theo N)		1	Mẫu		
9.9	Sunfua		1	Mẫu		
9.10	Colifom		1	Mẫu		
9.11	Pb		1	Mẫu		
9.12	Photphat (PO <sup>3 4</sup> )		1	Mẫu		
9.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt		1	Mẫu		
9.14	Dầu mỡ động thực vật		1	Mẫu		
9.15	Nitrat		1	Mẫu		
9.16	Tổng chất rắn hòa tan		1	Mẫu		
<b>10</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp tháng 7 (31 chỉ tiêu)</i></b>					
10.1	Nhiệt độ		2	Mẫu		
10.2	pH		2	Mẫu		
10.3	Màu		2	Mẫu		
10.4	BOD <sub>5</sub>		2	Mẫu		
10.5	COD		2	Mẫu		
10.6	Dầu mỡ khoáng		2	Mẫu		
10.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)		2	Mẫu		
10.8	Cd		2	Mẫu		
10.9	As		2	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mẫu	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
10.10	Hg		2	Mẫu		
10.11	Mn		2	Mẫu		
10.12	Photpho hữu cơ		2	Mẫu		
10.13	Photpho tổng số		2	Mẫu		
10.14	Fe		2	Mẫu		
10.15	Amoniac		2	Mẫu		
10.16	Sunfua		2	Mẫu		
10.17	Ni tơ tổng số		2	Mẫu		
10.18	Clo dư		2	Mẫu		
10.19	Nitrat		2	Mẫu		
10.20	Colifom		2	Mẫu		
10.21	Pb		2	Mẫu		
10.22	Zn		2	Mẫu		
10.23	Cu		2	Mẫu		
10.24	Cr <sup>3+</sup>		2	Mẫu		
10.25	Cr <sup>6+</sup>		2	Mẫu		
10.26	Ni		2	Mẫu		
10.27	CN <sup>-</sup>		2	Mẫu		
10.28	Phenol		2	Mẫu		
10.29	Florua		2	Mẫu		
10.30	Tổng hoạt động phóng xạ α		2	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi mẫu	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
10.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$		2	Mẫu		
<b>11</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 7 (02 chỉ tiêu)</i></b>					
11.1	Nhiệt độ		2	Mẫu		
11.2	Clo dư		2	Mẫu		
<b>12</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 7 (16 chỉ tiêu)</i></b>					
12.1	pH		1	Mẫu		
12.2	BOD <sub>5</sub>		1	Mẫu		
12.3	COD		1	Mẫu		
12.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)		1	Mẫu		
12.5	Cd		1	Mẫu		
12.6	As		1	Mẫu		
12.7	Hg		1	Mẫu		
12.8	Amoni (tính theo N)		1	Mẫu		
12.9	Sunfua		1	Mẫu		
12.10	Colifom		1	Mẫu		
12.11	Pb		1	Mẫu		
12.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )		1	Mẫu		
12.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt		1	Mẫu		
12.14	Dầu mỡ động thực vật		1	Mẫu		
12.15	Nitrat		1	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
12.16	Tổng chất rắn hòa tan		1	Mẫu		
<b>13</b>	<b><i>Nước thải tháng công nghiệp tháng 8(31 chỉ tiêu)</i></b>					
13.1	Nhiệt độ		2	Mẫu		
13.2	pH		2	Mẫu		
13.3	Màu		2	Mẫu		
13.4	BOD <sub>5</sub>		2	Mẫu		
13.5	COD		2	Mẫu		
13.6	Dầu mỡ khoáng		2	Mẫu		
13.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)		2	Mẫu		
13.8	Cd		2	Mẫu		
13.9	As		2	Mẫu		
13.10	Hg		2	Mẫu		
13.11	Mn		2	Mẫu		
13.12	Photpho hữu cơ		2	Mẫu		
13.13	Photpho tổng số		2	Mẫu		
13.14	Fe		2	Mẫu		
13.15	Amoni		2	Mẫu		
13.16	Sunfua		2	Mẫu		
13.17	Ni tơ tổng số		2	Mẫu		
13.18	Clo dư		2	Mẫu		
13.19	Nitrat		2	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mẫu	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
13.20	Colifom		2	Mẫu		
13.21	Pb		2	Mẫu		
13.22	Zn		2	Mẫu		
13.23	Cu		2	Mẫu		
13.24	Cr <sup>3+</sup>		2	Mẫu		
13.25	Cr <sup>6+</sup>		2	Mẫu		
13.26	Ni		2	Mẫu		
13.27	CN <sup>-</sup>		2	Mẫu		
13.28	Phenol		2	Mẫu		
13.29	Florua		2	Mẫu		
13.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$		2	Mẫu		
13.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$		2	Mẫu		
<b>14</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 8(02 chỉ tiêu)</i></b>					
14.1	Nhiệt độ		2	Mẫu		
14.2	Clo dư.		2	Mẫu		
<b>15</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 8(16 chỉ tiêu)</i></b>					
15.1	pH		1	Mẫu		
15.2	BOD <sub>5</sub>		1	Mẫu		
15.3	COD		1	Mẫu		
15.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)		1	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
15.5	Cd		1	Mẫu		
15.6	As		1	Mẫu		
15.7	Hg		1	Mẫu		
15.8	Amoni (tính theo N)		1	Mẫu		
15.9	Sunfua		1	Mẫu		
15.10	Colifom		1	Mẫu		
15.11	Pb		1	Mẫu		
15.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )		1	Mẫu		
15.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt		1	Mẫu		
15.14	Dầu mỡ động thực vật		1	Mẫu		
15.15	Nitrat		1	Mẫu		
15.16	Tổng chất rắn hòa tan		1	Mẫu		
<b>16</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp tháng 9 (31 chỉ tiêu)</i></b>					
16.1	Nhiệt độ		4	Mẫu		
16.2	pH		4	Mẫu		
16.3	Màu		4	Mẫu		
16.4	BOD <sub>5</sub>		4	Mẫu		
16.5	COD		4	Mẫu		
16.6	Dầu mỡ khoáng		4	Mẫu		
16.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)		4	Mẫu		
16.8	Cd		4	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
16.9	As		4	Mẫu		
16.10	Hg		4	Mẫu		
16.11	Mn		4	Mẫu		
16.12	Photpho hữu cơ		4	Mẫu		
16.13	Photpho tổng số		4	Mẫu		
16.14	Fe		4	Mẫu		
16.15	Amoniac		4	Mẫu		
16.16	Sunfua		4	Mẫu		
16.17	Ni tơ tổng số		4	Mẫu		
16.18	Clo dư		4	Mẫu		
16.19	Nitrat		4	Mẫu		
16.20	Colifom		4	Mẫu		
16.21	Pb		4	Mẫu		
16.22	Zn		4	Mẫu		
16.23	Cu		4	Mẫu		
16.24	Cr <sup>3+</sup>		4	Mẫu		
16.25	Cr <sup>6+</sup>		4	Mẫu		
16.26	Ni		4	Mẫu		
16.27	CN <sup>-</sup>		4	Mẫu		
16.28	Phenol		4	Mẫu		
16.29	Florua		4	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi mẫu	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
13.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$		4	Mẫu		
16.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$		4	Mẫu		
<b>17</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 9(02 chỉ tiêu)</i></b>					
17.1	Nhiệt độ		2	Mẫu		
17.2	Clo dư		2	Mẫu		
<b>18</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 9(16 chỉ tiêu)</i></b>					
18.1	pH		1	Mẫu		
18.2	BOD <sub>5</sub>		1	Mẫu		
18.3	COD		1	Mẫu		
18.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)		1	Mẫu		
18.5	Cd		1	Mẫu		
18.6	As		1	Mẫu		
18.7	Hg		1	Mẫu		
18.8	Amoni (tính theo N)		1	Mẫu		
18.9	Sunfua		1	Mẫu		
18.10	Colifom		1	Mẫu		
18.11	Pb		1	Mẫu		
18.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )		1	Mẫu		
18.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt		1	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi mẫu	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
18.14	Dầu mỡ động thực vật		1	Mẫu		
18.15	Nitrat		1	Mẫu		
18.16	Tổng chất rắn hòa tan		1	Mẫu		
<b>19</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp tháng 10 (31 chỉ tiêu)</i></b>					
19.1	Nhiệt độ		2	Mẫu		
19.2	pH		2	Mẫu		
19.3	Màu		2	Mẫu		
19.4	BOD <sub>5</sub>		2	Mẫu		
19.5	COD		2	Mẫu		
19.6	Dầu mỡ khoáng		2	Mẫu		
19.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)		2	Mẫu		
19.8	Cd		2	Mẫu		
19.9	As		2	Mẫu		
19.10	Hg		2	Mẫu		
19.11	Mn		2	Mẫu		
19.12	Photpho hữu cơ		2	Mẫu		
19.13	Photpho tổng số		2	Mẫu		
19.14	Fe		2	Mẫu		
19.15	Amoniack		2	Mẫu		
19.16	Sunfua		2	Mẫu		
19.17	Ni tơ tổng số		2	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
19.18	Clo dư		2	Mẫu		
19.19	Nitrat		2	Mẫu		
19.20	Colifom		2	Mẫu		
19.21	Pb		2	Mẫu		
19.22	Zn		2	Mẫu		
19.23	Cu		2	Mẫu		
19.24	Cr <sup>3+</sup>		2	Mẫu		
19.25	Cr <sup>6+</sup>		2	Mẫu		
19.26	Ni		2	Mẫu		
19.27	CN <sup>-</sup>		2	Mẫu		
19.28	Phenol		2	Mẫu		
19.29	Florua		2	Mẫu		
19.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$		2	Mẫu		
19.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$		2	Mẫu		
<b>20</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 10 (02 chỉ tiêu)</i></b>					
20.1	Nhiệt độ		2	Mẫu		
20.2	Clo dư		2	Mẫu		
<b>21</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 10 (16 chỉ tiêu)</i></b>					
21.1	pH		1	Mẫu		
21.2	BOD <sub>5</sub>		1	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi mẫu	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
21.3	COD		1	Mẫu		
21.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)		1	Mẫu		
21.5	Cd		1	Mẫu		
21.6	As		1	Mẫu		
21.7	Hg		1	Mẫu		
21.8	Amoni (tính theo N)		1	Mẫu		
21.9	Sunfua		1	Mẫu		
21.10	Colifom		1	Mẫu		
21.11	Pb		1	Mẫu		
21.12	Photphat ( $PO^3_4$ )		1	Mẫu		
21.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt		1	Mẫu		
21.14	Dầu mỡ động thực vật		1	Mẫu		
21.15	Nitrat		1	Mẫu		
21.16	Tổng chất rắn hòa tan		1	Mẫu		
<b>22</b>	<b><i>Nước thải tháng công nghiệp tháng 11 (31 chỉ tiêu)</i></b>					
22.1	Nhiệt độ		2	Mẫu		
22.2	pH		2	Mẫu		
22.3	Màu		2	Mẫu		
22.4	BOD <sub>5</sub>		2	Mẫu		
22.5	COD		2	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
22.6	Dầu mỡ khoáng		2	Mẫu		
22.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)		2	Mẫu		
22.8	Cd		2	Mẫu		
22.9	As		2	Mẫu		
22.10	Hg		2	Mẫu		
22.11	Mn		2	Mẫu		
22.12	Photpho hữu cơ		2	Mẫu		
22.13	Photpho tổng số		2	Mẫu		
22.14	Fe		2	Mẫu		
22.15	Amoniac		2	Mẫu		
22.16	Sunfua		2	Mẫu		
22.17	Ni tơ tổng số		2	Mẫu		
22.18	Clo dư		2	Mẫu		
22.19	Nitrat		2	Mẫu		
22.20	Colifom		2	Mẫu		
22.21	Pb		2	Mẫu		
22.22	Zn		2	Mẫu		
22.23	Cu		2	Mẫu		
22.24	Cr <sup>3+</sup>		2	Mẫu		
22.25	Cr <sup>6+</sup>		2	Mẫu		
22.26	Ni		2	Mẫu		
22.27	CN <sup>-</sup>		2	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
22.28	Phenol		2	Mẫu		
22.29	Florua		2	Mẫu		
22.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$		2	Mẫu		
22.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$		2	Mẫu		
<b>23</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 11(02 chỉ tiêu)</i></b>					
23.1	Nhiệt độ		2	Mẫu		
23.2	Clo dư		2	Mẫu		
<b>24</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 11 (16 chỉ tiêu)</i></b>					
24.1	pH		1	Mẫu		
24.2	BOD <sub>5</sub>		1	Mẫu		
24.3	COD		1	Mẫu		
24.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)		1	Mẫu		
24.5	Cd		1	Mẫu		
24.6	As		1	Mẫu		
24.7	Hg		1	Mẫu		
24.8	Amoni (tính theo N)		1	Mẫu		
24.9	Sunfua		1	Mẫu		
24.10	Colifom		1	Mẫu		
24.11	Pb		1	Mẫu		
24.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )		1	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi mẫu	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
15.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt		1	Mẫu		
24.14	Dầu mỡ động thực vật		1	Mẫu		
24.15	Nitrat		1	Mẫu		
24.16	Tổng chất rắn hòa tan		1	Mẫu		
<b>25</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp tháng 12 (31 chỉ tiêu)</i></b>					
25.1	Nhiệt độ		4	Mẫu		
25.2	pH		4	Mẫu		
25.3	Màu		4	Mẫu		
25.4	BOD <sub>5</sub>		4	Mẫu		
25.5	COD		4	Mẫu		
25.6	Dầu mỡ khoáng		4	Mẫu		
25.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)		4	Mẫu		
25.8	Cd		4	Mẫu		
25.9	As		4	Mẫu		
25.10	Hg		4	Mẫu		
25.11	Mn		4	Mẫu		
25.12	Photpho hữu cơ		4	Mẫu		
25.13	Photpho tổng số		4	Mẫu		
25.14	Fe		4	Mẫu		
25.15	Amoniac		4	Mẫu		
25.16	Sunfua		4	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
25.17	Ni tơ tổng số		4	Mẫu		
25.18	Clo dư		4	Mẫu		
25.19	Nitrat		4	Mẫu		
25.20	Colifom		4	Mẫu		
25.21	Pb		4	Mẫu		
25.22	Zn		4	Mẫu		
25.23	Cu		4	Mẫu		
25.24	Cr <sup>3+</sup>		4	Mẫu		
25.25	Cr <sup>6+</sup>		4	Mẫu		
25.26	Ni		4	Mẫu		
25.27	CN <sup>-</sup>		4	Mẫu		
25.28	Phenol		4	Mẫu		
25.29	Florua		4	Mẫu		
25.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$		4	Mẫu		
25.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$		4	Mẫu		
<b>26</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 12(02 chỉ tiêu)</i></b>					
26.1	Nhiệt độ		2	Mẫu		
26.2	Clo dư		2	Mẫu		
<b>27</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 12(16 chỉ tiêu)</i></b>					
27.1	pH		1	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi mẫu	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
27.2	BOD <sub>5</sub>		1	Mẫu		
27.3	COD		1	Mẫu		
27.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)		1	Mẫu		
27.5	Cd		1	Mẫu		
27.6	As		1	Mẫu		
27.7	Hg		1	Mẫu		
27.8	Amoni (tính theo N)		1	Mẫu		
27.9	Sunfua		1	Mẫu		
27.10	Colifom		1	Mẫu		
27.11	Pb		1	Mẫu		
27.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )		1	Mẫu		
27.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt		1	Mẫu		
27.14	Dầu mỡ động thực vật		1	Mẫu		
27.15	Nitrat		1	Mẫu		
27.16	Tổng chất rắn hòa tan		1	Mẫu		
28	<b><i>Nước thải công nghiệp tháng 1/2027 (31 chỉ tiêu)</i></b>					
28.1	Nhiệt độ		2	Mẫu		
28.2	pH		2	Mẫu		
28.3	Màu		2	Mẫu		
28.4	BOD <sub>5</sub>		2	Mẫu		
28.5	COD		2	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
28.6	Dầu mỡ khoáng		2	Mẫu		
28.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)		2	Mẫu		
28.8	Cd		2	Mẫu		
28.9	As		2	Mẫu		
28.10	Hg		2	Mẫu		
28.11	Mn		2	Mẫu		
28.12	Photpho hữu cơ		2	Mẫu		
28.13	Photpho tổng số		2	Mẫu		
28.14	Fe		2	Mẫu		
28.15	Amoniac		2	Mẫu		
28.16	Sunfua		2	Mẫu		
28.17	Ni tơ tổng số		2	Mẫu		
28.18	Clo dư		2	Mẫu		
28.19	Nitrat		2	Mẫu		
28.20	Colifom		2	Mẫu		
28.21	Pb		2	Mẫu		
28.22	Zn		2	Mẫu		
28.23	Cu		2	Mẫu		
28.24	Cr <sup>3+</sup>		2	Mẫu		
28.25	Cr <sup>6+</sup>		2	Mẫu		
28.26	Ni		2	Mẫu		
28.27	CN <sup>-</sup>		2	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
28.28	Phenol		2	Mẫu		
28.29	Florua		2	Mẫu		
28.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$		2	Mẫu		
28.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$		2	Mẫu		
<b>29</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 1/2027 (02 chỉ tiêu)</i></b>					
29.1	Nhiệt độ		2	Mẫu		
29.2	Clo dư		2	Mẫu		
<b>30</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 1/2027 (16 chỉ tiêu)</i></b>					
30.1	pH		1	Mẫu		
30.2	BOD <sub>5</sub>		1	Mẫu		
30.3	COD		1	Mẫu		
30.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)		1	Mẫu		
30.5	Cd		1	Mẫu		
30.6	As		1	Mẫu		
30.7	Hg		1	Mẫu		
30.8	Amoni (tính theo N)		1	Mẫu		
30.9	Sunfua		1	Mẫu		
30.10	Colifom		1	Mẫu		
30.11	Pb		1	Mẫu		
30.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )		1	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
30.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt		1	Mẫu		
30.14	Dầu mỡ động thực vật		1	Mẫu		
30.15	Nitrat		1	Mẫu		
30.16	Tổng chất rắn hòa tan		1	Mẫu		
<b>31</b>	<b><i>Nước thải tháng công nghiệp tháng 2/2027 (31 chỉ tiêu)</i></b>					
31.1	Nhiệt độ		2	Mẫu		
31.2	pH		2	Mẫu		
31.3	Màu		2	Mẫu		
31.4	BOD <sub>5</sub>		2	Mẫu		
31.5	COD		2	Mẫu		
31.6	Dầu mỡ khoáng		2	Mẫu		
31.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)		2	Mẫu		
31.8	Cd		2	Mẫu		
31.9	As		2	Mẫu		
31.10	Hg		2	Mẫu		
31.11	Mn		2	Mẫu		
31.12	Photpho hữu cơ		2	Mẫu		
31.13	Photpho tổng số		2	Mẫu		
31.14	Fe		2	Mẫu		
31.15	Amoniac		2	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
31.16	Sunfua		2	Mẫu		
31.17	Ni tơ tổng số		2	Mẫu		
31.18	Clo dư		2	Mẫu		
31.19	Nitrat		2	Mẫu		
31.20	Colifom		2	Mẫu		
31.21	Pb		2	Mẫu		
31.22	Zn		2	Mẫu		
31.23	Cu		2	Mẫu		
31.24	Cr <sup>3+</sup>		2	Mẫu		
31.25	Cr <sup>6+</sup>		2	Mẫu		
31.26	Ni		2	Mẫu		
31.27	CN <sup>-</sup>		2	Mẫu		
31.28	Phenol		2	Mẫu		
31.29	Florua		2	Mẫu		
31.30	Tổng hoạt động phóng xạ α		2	Mẫu		
31.31	Tổng hoạt động phóng xạ β		2	Mẫu		
<b>32</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 2/2027 (02 chỉ tiêu)</i></b>					
32.1	Nhiệt độ		2	Mẫu		
32.2	Clo dư		2	Mẫu		
<b>33</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 2/2027 (16 chỉ tiêu)</i></b>					

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
33.1	pH		1	Mẫu		
33.2	BOD <sub>5</sub>		1	Mẫu		
33.3	COD		1	Mẫu		
33.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)		1	Mẫu		
33.5	Cd		1	Mẫu		
33.6	As		1	Mẫu		
33.7	Hg		1	Mẫu		
33.8	Amoni (tính theo N)		1	Mẫu		
33.9	Sunfua		1	Mẫu		
33.10	Colifom		1	Mẫu		
33.11	Pb		1	Mẫu		
33.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )		1	Mẫu		
33.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt		1	Mẫu		
33.14	Dầu mỡ động thực vật		1	Mẫu		
33.15	Nitrat		1	Mẫu		
33.16	Tổng chất rắn hòa tan		1	Mẫu		
<b>34</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp tháng 3/2027 (31 chỉ tiêu)</i></b>					
34.1	Nhiệt độ		4	Mẫu		
34.2	pH		4	Mẫu		
34.3	Màu		4	Mẫu		
34.4	BOD <sub>5</sub>		4	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mẫu	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
34.5	COD		4	Mẫu		
34.6	Dầu mỡ khoáng		4	Mẫu		
34.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)		4	Mẫu		
34.8	Cd		4	Mẫu		
34.9	As		4	Mẫu		
34.10	Hg		4	Mẫu		
34.11	Mn		4	Mẫu		
34.12	Photpho hữu cơ		4	Mẫu		
34.13	Photpho tổng số		4	Mẫu		
34.14	Fe		4	Mẫu		
34.15	Amoniac		4	Mẫu		
34.16	Sunfua		4	Mẫu		
34.17	Ni tơ tổng số		4	Mẫu		
34.18	Clo dư		4	Mẫu		
34.19	Nitrat		4	Mẫu		
34.20	Colifom		4	Mẫu		
34.21	Pb		4	Mẫu		
34.22	Zn		4	Mẫu		
34.23	Cu		4	Mẫu		
34.24	Cr <sup>3+</sup>		4	Mẫu		
34.25	Cr <sup>6+</sup>		4	Mẫu		
34.26	Ni		4	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
34.27	CN <sup>-</sup>		4	Mẫu		
34.28	Phenol		4	Mẫu		
34.29	Florua		4	Mẫu		
34.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$		4	Mẫu		
34.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$		4	Mẫu		
<b>35</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 3/2027 (02 chỉ tiêu)</i></b>					
35.1	Nhiệt độ		2	Mẫu		
35.2	Clo dư		2	Mẫu		
<b>36</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 3/2027 (16 chỉ tiêu)</i></b>					
36.1	pH		1	Mẫu		
36.2	BOD <sub>5</sub>		1	Mẫu		
36.3	COD		1	Mẫu		
36.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)		1	Mẫu		
36.5	Cd		1	Mẫu		
36.6	As		1	Mẫu		
36.7	Hg		1	Mẫu		
36.8	Amoni (tính theo N)		1	Mẫu		
36.9	Sunfua		1	Mẫu		
36.10	Colifom		1	Mẫu		
36.11	Pb		1	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
36.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )		1	Mẫu		
36.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt		1	Mẫu		
36.14	Dầu mỡ động thực vật		1	Mẫu		
36.15	Nitrat		1	Mẫu		
36.16	Tổng chất rắn hòa tan		1	Mẫu		
<b>III</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường nước mặt các tháng từ Quý 2 /2026 đến các tháng Q1/2027</b>					
<b>I</b>	<b>Nước mặt tháng 4(25 chỉ tiêu)</b>					
1.1	pH		7	Mẫu		
1.2	BOD <sub>5</sub>		7	Mẫu		
1.3	COD		7	Mẫu		
1.4	Ô xi hòa tan		7	Mẫu		
1.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)		7	Mẫu		
1.6	Amoni		7	Mẫu		
1.7	Clorua		7	Mẫu		
1.8	Florua		7	Mẫu		
1.9	Nitrat		7	Mẫu		
1.10	Nitrit		7	Mẫu		
1.11	Photphat		7	Mẫu		
1.12	Xianua		7	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
1.13	Zn		7	Mẫu		
1.14	Mn		7	Mẫu		
1.15	Fe		7	Mẫu		
1.16	Cu		7	Mẫu		
1.17	Tổng dầu mỡ		7	Mẫu		
1.18	Colifom		7	Mẫu		
1.19	Cd		7	Mẫu		
1.20	Tổng Cr		7	Mẫu		
1.21	Cr <sup>6+</sup>		7	Mẫu		
1.22	Ni		7	Mẫu		
1.23	As		7	Mẫu		
1.24	Hg		7	Mẫu		
1.25	Pb		7	Mẫu		
2	<i>Nước mặt tháng 5(25 chỉ tiêu)</i>					
2.1	pH		7	Mẫu		
2.2	BOD <sub>5</sub>		7	Mẫu		
2.3	COD		7	Mẫu		
2.4	Ô xi hòa tan		7	Mẫu		
2.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)		7	Mẫu		
2.6	Amoni		7	Mẫu		
2.7	Clorua		7	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
2.8	Florua		7	Mẫu		
2.9	Nitrat		7	Mẫu		
2.10	Nitrit		7	Mẫu		
2.11	Photphat		7	Mẫu		
2.12	Xianua		7	Mẫu		
2.13	Zn		7	Mẫu		
2.14	Mn		7	Mẫu		
2.15	Fe		7	Mẫu		
2.16	Cu		7	Mẫu		
2.17	Tổng dầu mỡ		7	Mẫu		
2.18	Colifom		7	Mẫu		
2.19	Cd		7	Mẫu		
2.20	Tổng Cr		7	Mẫu		
2.21	Cr <sup>6+</sup>		7	Mẫu		
2.22	Ni		7	Mẫu		
2.23	As		7	Mẫu		
2.24	Hg		7	Mẫu		
2.25	Pb		7	Mẫu		
3	<i>Nước mặt tháng 6(25 chỉ tiêu)</i>					
3.1	pH		7	Mẫu		
3.2	BOD <sub>5</sub>		7	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
3.3	COD		7	Mẫu		
3.4	Ô xi hòa tan		7	Mẫu		
3.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)		7	Mẫu		
3.6	Amoni		7	Mẫu		
3.7	Clorua		7	Mẫu		
3.8	Florua		7	Mẫu		
3.9	Nitrat		7	Mẫu		
3.10	Nitrit		7	Mẫu		
3.11	Photphat		7	Mẫu		
3.12	Xianua		7	Mẫu		
3.13	Zn		7	Mẫu		
3.14	Mn		7	Mẫu		
3.15	Fe		7	Mẫu		
3.16	Cu		7	Mẫu		
3.17	Tổng dầu mỡ		7	Mẫu		
3.18	Colifom		7	Mẫu		
3.19	Cd		7	Mẫu		
3.20	Tổng Cr		7	Mẫu		
3.21	Cr <sup>6+</sup>		7	Mẫu		
3.22	Ni		7	Mẫu		
3.23	As		7	Mẫu		
3.24	Hg		7	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
3.25	Pb		7	Mẫu		
4	<i>Nước mặt tháng 7(25 chỉ tiêu)</i>					
4.1	pH		7	Mẫu		
4.2	BOD <sub>5</sub>		7	Mẫu		
4.3	COD		7	Mẫu		
4.4	Ô xi hòa tan		7	Mẫu		
4.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)		7	Mẫu		
4.6	Amoni		7	Mẫu		
4.7	Clorua		7	Mẫu		
4.8	Florua		7	Mẫu		
4.9	Nitrat		7	Mẫu		
4.10	Nitrit		7	Mẫu		
4.11	Photphat		7	Mẫu		
4.12	Xianua		7	Mẫu		
4.13	Zn		7	Mẫu		
4.14	Mn		7	Mẫu		
4.15	Fe		7	Mẫu		
4.16	Cu		7	Mẫu		
4.17	Tổng dầu mỡ		7	Mẫu		
4.18	Colifom		7	Mẫu		
4.19	Cd		7	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
4.20	Tổng Cr		7	Mẫu		
4.21	Cr <sup>6+</sup>		7	Mẫu		
4.22	Ni		7	Mẫu		
4.23	As		7	Mẫu		
4.24	Hg		7	Mẫu		
4.25	Pb		7	Mẫu		
5	<i>Nước mặt tháng 8(25 chỉ tiêu)</i>					
5.1	pH		7	Mẫu		
5.2	BOD <sub>5</sub>		7	Mẫu		
5.3	COD		7	Mẫu		
5.4	Ô xi hòa tan		7	Mẫu		
5.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)		7	Mẫu		
5.6	Amoni		7	Mẫu		
5.7	Clorua		7	Mẫu		
5.8	Florua		7	Mẫu		
5.9	Nitrat		7	Mẫu		
5.10	Nitrit		7	Mẫu		
5.11	Photphat		7	Mẫu		
5.12	Xianua		7	Mẫu		
5.13	Zn		7	Mẫu		
5.14	Mn		7	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mẫu	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
5.15	Fe		7	Mẫu		
5.16	Cu		7	Mẫu		
5.17	Tổng dầu mỡ		7	Mẫu		
5.18	Colifom		7	Mẫu		
5.19	Cd		7	Mẫu		
5.20	Tổng Cr		7	Mẫu		
5.21	Cr <sup>6+</sup>		7	Mẫu		
5.22	Ni		7	Mẫu		
5.23	As		7	Mẫu		
5.24	Hg		7	Mẫu		
5.25	Pb		7	Mẫu		
<b>6</b>	<b><i>Nước mặt tháng 9(25 chỉ tiêu)</i></b>					
6.1	pH		7	Mẫu		
6.2	BOD <sub>5</sub>		7	Mẫu		
6.3	COD		7	Mẫu		
6.4	Ô xi hòa tan		7	Mẫu		
6.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)		7	Mẫu		
6.6	Amoni		7	Mẫu		
6.7	Clorua		7	Mẫu		
6.8	Florua		7	Mẫu		
6.9	Nitrat		7	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
6.10	Nitrit		7	Mẫu		
6.11	Photphat		7	Mẫu		
6.12	Xianua		7	Mẫu		
6.13	Zn		7	Mẫu		
6.14	Mn		7	Mẫu		
6.15	Fe		7	Mẫu		
6.16	Cu		7	Mẫu		
6.17	Tổng dầu mỡ		7	Mẫu		
6.18	Colifom		7	Mẫu		
6.19	Cd		7	Mẫu		
6.20	Tổng Cr		7	Mẫu		
6.21	Cr <sup>6+</sup>		7	Mẫu		
6.22	Ni		7	Mẫu		
6.23	As		7	Mẫu		
6.24	Hg		7	Mẫu		
6.25	Pb		7	Mẫu		
7	<i>Nước mặt tháng 10(25 chỉ tiêu)</i>					
7.1	pH		7	Mẫu		
7.2	BOD <sub>5</sub>		7	Mẫu		
7.3	COD		7	Mẫu		
7.4	Ô xi hòa tan		7	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
7.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)		7	Mẫu		
7.6	Amoni		7	Mẫu		
7.7	Clorua		7	Mẫu		
7.8	Florua		7	Mẫu		
7.9	Nitrat		7	Mẫu		
7.10	Nitrit		7	Mẫu		
7.11	Photphat		7	Mẫu		
7.12	Xianua		7	Mẫu		
7.13	Zn		7	Mẫu		
7.14	Mn		7	Mẫu		
7.15	Fe		7	Mẫu		
7.16	Cu		7	Mẫu		
7.17	Tổng dầu mỡ		7	Mẫu		
7.18	Colifom		7	Mẫu		
7.19	Cd		7	Mẫu		
7.20	Tổng Cr		7	Mẫu		
7.21	Cr <sup>6+</sup>		7	Mẫu		
7.22	Ni		7	Mẫu		
7.23	As		7	Mẫu		
7.24	Hg		7	Mẫu		
7.25	Pb		7	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
8	<i>Nước mặt tháng 11(25 chỉ tiêu)</i>					
8.1	pH		7	Mẫu		
8.2	BOD <sub>5</sub>		7	Mẫu		
8.3	COD		7	Mẫu		
8.4	Ô xi hòa tan		7	Mẫu		
8.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)		7	Mẫu		
8.6	Amoni		7	Mẫu		
8.7	Clorua		7	Mẫu		
8.8	Florua		7	Mẫu		
8.9	Nitrat		7	Mẫu		
8.10	Nitrit		7	Mẫu		
8.11	Photphat		7	Mẫu		
8.12	Xianua		7	Mẫu		
8.13	Zn		7	Mẫu		
8.14	Mn		7	Mẫu		
8.15	Fe		7	Mẫu		
8.16	Cu		7	Mẫu		
8.17	Tổng dầu mỡ		7	Mẫu		
8.18	Colifom		7	Mẫu		
8.19	Cd		7	Mẫu		
8.20	Tổng Cr		7	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
8.21	Cr <sup>6+</sup>		7	Mẫu		
8.22	Ni		7	Mẫu		
8.23	As		7	Mẫu		
8.24	Hg		7	Mẫu		
8.25	Pb		7	Mẫu		
<b>9</b>	<b><i>Nước mặt tháng 12(25 chỉ tiêu)</i></b>					
9.1	pH		7	Mẫu		
9.2	BOD <sub>5</sub>		7	Mẫu		
9.3	COD		7	Mẫu		
9.4	Ô xi hòa tan		7	Mẫu		
9.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)		7	Mẫu		
9.6	Amoni		7	Mẫu		
9.7	Clorua		7	Mẫu		
9.8	Florua		7	Mẫu		
9.9	Nitrat		7	Mẫu		
9.10	Nitrit		7	Mẫu		
9.11	Photphat		7	Mẫu		
9.12	Xianua		7	Mẫu		
9.13	Zn		7	Mẫu		
9.14	Mn		7	Mẫu		
9.15	Fe		7	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
9.16	Cu		7	Mẫu		
9.17	Tổng dầu mỡ		7	Mẫu		
9.18	Colifom		7	Mẫu		
9.19	Cd		7	Mẫu		
9.20	Tổng Cr		7	Mẫu		
9.21	Cr <sup>6+</sup>		7	Mẫu		
9.22	Ni		7	Mẫu		
9.23	As		7	Mẫu		
9.24	Hg		7	Mẫu		
9.25	Pb		7	Mẫu		
<b>10</b>	<b><i>Nước mặt tháng 1/2027 (25 chỉ tiêu)</i></b>					
10.1	pH		7	Mẫu		
10.2	BOD <sub>5</sub>		7	Mẫu		
10.3	COD		7	Mẫu		
10.4	Ô xi hòa tan		7	Mẫu		
10.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)		7	Mẫu		
10.6	Amoni		7	Mẫu		
10.7	Clorua		7	Mẫu		
10.8	Florua		7	Mẫu		
10.9	Nitrat		7	Mẫu		
10.10	Nitrit		7	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
10.11	Photphat		7	Mẫu		
10.12	Xianua		7	Mẫu		
10.13	Zn		7	Mẫu		
10.14	Mn		7	Mẫu		
10.15	Fe		7	Mẫu		
10.16	Cu		7	Mẫu		
10.17	Tổng dầu mỡ		7	Mẫu		
10.18	Colifom		7	Mẫu		
10.19	Cd		7	Mẫu		
10.20	Tổng Cr		7	Mẫu		
10.21	Cr <sup>6+</sup>		7	Mẫu		
10.22	Ni		7	Mẫu		
10.23	As		7	Mẫu		
10.24	Hg		7	Mẫu		
10.25	Pb		7	Mẫu		
<b>11</b>	<b><i>Nước mặt tháng 2/2027 (25 chỉ tiêu)</i></b>					
11.1	pH		7	Mẫu		
11.2	BOD <sub>5</sub>		7	Mẫu		
11.3	COD		7	Mẫu		
11.4	Ô xi hòa tan		7	Mẫu		
11.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)		7	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
11.6	Amoni		7	Mẫu		
11.7	Clorua		7	Mẫu		
11.8	Florua		7	Mẫu		
11.9	Nitrat		7	Mẫu		
11.10	Nitrit		7	Mẫu		
11.11	Photphat		7	Mẫu		
11.12	Xianua		7	Mẫu		
11.13	Zn		7	Mẫu		
11.14	Mn		7	Mẫu		
11.15	Fe		7	Mẫu		
11.16	Cu		7	Mẫu		
11.17	Tổng dầu mỡ		7	Mẫu		
11.18	Colifom		7	Mẫu		
11.19	Cd		7	Mẫu		
11.20	Tổng Cr		7	Mẫu		
11.21	Cr <sup>6+</sup>		7	Mẫu		
11.22	Ni		7	Mẫu		
11.23	As		7	Mẫu		
11.24	Hg		7	Mẫu		
11.25	Pb		7	Mẫu		
12	<i>Nước mặt tháng 3/2027 (25 chỉ tiêu)</i>					

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
12.1	pH		7	Mẫu		
12.2	BOD <sub>5</sub>		7	Mẫu		
12.3	COD		7	Mẫu		
12.4	Ô xi hòa tan		7	Mẫu		
12.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)		7	Mẫu		
12.6	Amoni		7	Mẫu		
12.7	Clorua		7	Mẫu		
12.8	Florua		7	Mẫu		
12.9	Nitrat		7	Mẫu		
12.10	Nitrit		7	Mẫu		
12.11	Photphat		7	Mẫu		
12.12	Xianua		7	Mẫu		
12.13	Zn		7	Mẫu		
12.14	Mn		7	Mẫu		
12.15	Fe		7	Mẫu		
12.16	Cu		7	Mẫu		
12.17	Tổng dầu mỡ		7	Mẫu		
12.18	Colifom		7	Mẫu		
12.19	Cd		7	Mẫu		
12.20	Tổng Cr		7	Mẫu		
12.21	Cr <sup>6+</sup>		7	Mẫu		
12.22	Ni		7	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
12.23	As		7	Mẫu		
12.24	Hg		7	Mẫu		
12.25	Pb		7	Mẫu		
<b>IV</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường khí thải công nghiệp tháng 6/2026, tháng 9/2026, tháng 12/2026 và tháng 3/2027</b>					
<b>1</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường khí thải công nghiệp theo quy định tháng 6 (9 chỉ tiêu)</b>					
1.1	SO <sub>2</sub>		9	Mẫu		
1.2	NO <sub>x</sub>		9	Mẫu		
1.3	Bụi tổng		9	Mẫu		
1.4	Lưu lượng		9	Mẫu		
1.5	Nhiệt độ		9	Mẫu		
1.6	O <sub>2</sub>		9	Mẫu		
1.7	CO		9	Mẫu		
1.8	CO <sub>2</sub>		9	Mẫu		
1.9	Áp suất		9	Mẫu		
<b>2</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường khí thải công nghiệp theo quy định tháng 9 (9 chỉ tiêu)</b>					
2.1	SO <sub>2</sub>		9	Mẫu		
2.2	NO <sub>x</sub>		9	Mẫu		
2.3	Bụi tổng		9	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
2.4	Lưu lượng		9	Mẫu		
2.5	Nhiệt độ		9	Mẫu		
2.6	O <sub>2</sub>		9	Mẫu		
2.7	CO		9	Mẫu		
2.8	CO <sub>2</sub>		9	Mẫu		
2.9	Áp suất		9	Mẫu		
<b>3</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường khí thải công nghiệp theo quy định tháng 12 (9 chỉ tiêu)</b>					
3.1	SO <sub>2</sub>		9	Mẫu		
3.2	NO <sub>x</sub>		9	Mẫu		
3.3	Bụi tổng		9	Mẫu		
3.4	Lưu lượng		9	Mẫu		
3.5	Nhiệt độ		9	Mẫu		
3.6	O <sub>2</sub>		9	Mẫu		
3.7	CO		9	Mẫu		
3.8	CO <sub>2</sub>		9	Mẫu		
3.9	Áp suất		9	Mẫu		
<b>4</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường khí thải công nghiệp theo quy định tháng 3/2027 (9 chỉ tiêu)</b>					
4.1	SO <sub>2</sub>		9	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
4.2	NO <sub>x</sub>		9	Mẫu		
4.3	Bụi tổng		9	Mẫu		
4.4	Lưu lượng		9	Mẫu		
4.5	Nhiệt độ		9	Mẫu		
4.6	O <sub>2</sub>		9	Mẫu		
4.7	CO		9	Mẫu		
4.8	CO <sub>2</sub>		9	Mẫu		
4.9	Áp suất		9	Mẫu		
<b>V</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường đất tháng 6/2026, tháng 9/2026, tháng 12/2026 và tháng 3/2027</b>					
<b>1</b>	<b>Chất lượng đất tháng 6 (8 chỉ tiêu)</b>					
1.1	pH		4	Mẫu		
1.2	Tổng Nito - $\sum N$		4	Mẫu		
1.3	Tổng Photpho- $\sum P$		4	Mẫu		
1.4	Sắt – Fe		4	Mẫu		
1.5	Chì – Pb		4	Mẫu		
1.6	Kẽm – Zn		4	Mẫu		
1.7	Đồng – Cu		4	Mẫu		
1.8	Crom - Cr		4	Mẫu		
<b>2</b>	<b>Chất lượng đất tháng 9 (8 chỉ tiêu)</b>					
2.1	pH		4	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
2.2	Tổng Nito - $\sum N$		4	Mẫu		
2.3	Tổng Photpho- $\sum P$		4	Mẫu		
2.4	Sắt – Fe		4	Mẫu		
2.5	Chì – Pb		4	Mẫu		
2.6	Kẽm – Zn		4	Mẫu		
2.7	Đồng – Cu		4	Mẫu		
2.8	Crom - Cr		4	Mẫu		
<b>3</b>	<b>Chất lượng đất tháng 12(8 chỉ tiêu)</b>					
3.1	pH		4	Mẫu		
3.2	Tổng Nito - $\sum N$		4	Mẫu		
3.3	Tổng Photpho- $\sum P$		4	Mẫu		
3.4	Sắt – Fe		4	Mẫu		
3.5	Chì – Pb		4	Mẫu		
3.6	Kẽm – Zn		4	Mẫu		
3.7	Đồng – Cu		4	Mẫu		
3.8	Crom - Cr		4	Mẫu		
<b>3</b>	<b>Chất lượng đất tháng 3/2027 (8 chỉ tiêu)</b>					
4.1	pH		4	Mẫu		
4.2	Tổng Nito - $\sum N$		4	Mẫu		
4.3	Tổng Photpho- $\sum P$		4	Mẫu		
4.4	Sắt – Fe		4	Mẫu		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
4.5	Chì – Pb		4	Mẫu		
4.6	Kẽm – Zn		4	Mẫu		
4.7	Đồng – Cu		4	Mẫu		
4.8	Crom - Cr		4	Mẫu		

\*) Ghi chú: Nội dung chi tiết Phạm vi cung cấp dịch vụ được nêu trong các Bảng tiên lượng tại Khoản 2.3 Mục 2 Chương này. Nhà thầu cần khảo sát thực tế và tham khảo các Bảng tiên lượng để xây dựng phương án cụ thể trong Hồ sơ dự thầu.

### 1.3. Kế hoạch thực hiện

- Thời gian thực hiện dự án: Từ Q2/2026 đến Q1/2027.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 365 ngày
- Nhà thầu phải lập tiến độ thi công cho từng nội dung công việc (theo biểu đồ GANTT hoặc bảng) thể hiện tiến trình thực hiện các công việc, biểu đồ huy động máy móc, thiết bị, nhân lực phù hợp với tiến độ của toàn dự án.

Bảng tiến độ thực hiện phải lập cho các nội dung công việc sau đây:

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
				Từ Q2/2026 đến Q1/2027	Đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật (Chi tiết yêu cầu tại Mục 2)	Công ty CPNĐ Phả Lại
<b>I</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh các tháng từ Quý 2 /2026 đến các tháng Q1/2027</b>					
<b>1</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 4 (6 chỉ tiêu)</b>					
1.1	CO	Mẫu	7			
1.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
1.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
1.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
1.5	Bụi	Mẫu	7			
1.6	Tiếng ồn	Mẫu	7			
<b>2</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 5 (6 chỉ tiêu)</b>					
2.1	CO	Mẫu	7			
2.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
2.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
2.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7			

2.5	Bụi	Mẫu	7			
2.6	Tiếng ồn	Mẫu	7			
<b>3</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 6 (6 chỉ tiêu)</b>					
3.1	CO	Mẫu	7			
3.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
3.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
3.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
3.5	Bụi	Mẫu	7			
3.6	Tiếng ồn	Mẫu	7			
<b>4</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 7 (6 chỉ tiêu)</b>					
4.1	CO	Mẫu	7			
4.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
4.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
4.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
4.5	Bụi	Mẫu	7			
4.6	Tiếng ồn	Mẫu	7			
<b>5</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 8 (6 chỉ tiêu)</b>					
5.1	CO	Mẫu	7			
5.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
5.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
5.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7			

5.5	Bụi	Mẫu	7			
5.6	Tiếng ồn	Mẫu	7			
<b>6</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 9 (6 chỉ tiêu)</b>					
6.1	CO	Mẫu	7			
6.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
6.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
6.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
6.5	Bụi	Mẫu	7			
6.6	Tiếng ồn	Mẫu	7			
<b>7</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 10 (6 chỉ tiêu)</b>					
7.1	CO	Mẫu	7			
7.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
7.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
7.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
7.5	Bụi	Mẫu	7			
7.6	Tiếng ồn	Mẫu	7			
<b>8</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 11 (6 chỉ tiêu)</b>					
8.1	CO	Mẫu	7			
8.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
8.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7			

8.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
8.5	Bụi	Mẫu	7			
8.6	Tiếng ồn	Mẫu	7			
<b>9</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 12 (6 chỉ tiêu)</b>					
9.1	CO	Mẫu	7			
9.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
9.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
9.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
9.5	Bụi	Mẫu	7			
9.6	Tiếng ồn	Mẫu	7			
<b>10</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 1/2027 (6 chỉ tiêu)</b>					
10.1	CO	Mẫu	7			
10.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
10.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
10.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
10.5	Bụi	Mẫu	7			
10.6	Tiếng ồn	Mẫu	7			
<b>11</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 2/2027 (6 chỉ tiêu)</b>					
11.1	CO	Mẫu	7			

12.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
13.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
14.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
15.5	Bụi	Mẫu	7			
16.6	Tiếng ồn	Mẫu	7			
<b>12</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 3/2027 (6 chỉ tiêu)</b>					
12.1	CO	Mẫu	7			
13.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
14.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
15.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
16.5	Bụi	Mẫu	7			
17.6	Tiếng ồn	Mẫu	7			
<b>II</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường nước thải các tháng từ Quý 2 /2026 đến các tháng Q1/2027</b>					
<b>I</b>	<b>Nước thải công nghiệp tháng 4(31 chỉ tiêu)</b>					
1.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
1.2	pH	Mẫu	2			
1.3	Màu	Mẫu	2			
1.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2			
1.5	COD	Mẫu	2			
1.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	2			
1.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	2			
1.8	Cd	Mẫu	2			
1.9	As	Mẫu	2			

1.10	Hg	Mẫu	2			
1.11	Mn	Mẫu	2			
1.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	2			
1.13	Photpho tổng số	Mẫu	2			
1.14	Fe	Mẫu	2			
1.15	Amoniac	Mẫu	2			
1.16	Sunfua	Mẫu	2			
1.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	2			
1.18	Clo dư	Mẫu	2			
1.19	Nitrat	Mẫu	2			
1.20	Colifom	Mẫu	2			
1.21	Pb	Mẫu	2			
1.22	Zn	Mẫu	2			
1.23	Cu	Mẫu	2			
1.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	2			
1.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	2			
1.26	Ni	Mẫu	2			
1.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	2			
1.28	Phenol	Mẫu	2			
1.29	Florua	Mẫu	2			
1.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$	Mẫu	2			
1.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$	Mẫu	2			
<b>2</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 4 (02 chỉ tiêu)</i></b>					
2.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
2.2	Clo dư	Mẫu	2			
<b>3</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 4 (16 chỉ tiêu)</i></b>					
3.1	pH	Mẫu	1			
3.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1			
3.3	COD	Mẫu	1			
3.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1			
3.5	Cd	Mẫu	1			
3.6	As	Mẫu	1			

3.7	Hg	Mẫu	1			
3.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1			
3.9	Sunfua	Mẫu	1			
3.10	Colifom	Mẫu	1			
3.11	Pb	Mẫu	1			
3.12	Photphat ( $PO^3_4$ )	Mẫu	1			
3.13	Tổng các chất hoạt động bề	Mẫu	1			
3.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1			
3.15	Nitrat	Mẫu	1			
3.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1			
<b>4</b>	<b><i>Nước thải tháng công nghiệp tháng 5(31 chỉ tiêu)</i></b>	Mẫu				
4.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
4.2	pH	Mẫu	2			
4.3	Màu	Mẫu	2			
4.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2			
4.5	COD	Mẫu	2			
4.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	2			
4.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	2			
4.8	Cd	Mẫu	2			
4.9	As	Mẫu	2			
4.10	Hg	Mẫu	2			
4.11	Mn	Mẫu	2			
4.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	2			
4.13	Photpho tổng số	Mẫu	2			
4.14	Fe	Mẫu	2			
4.15	Amoniac	Mẫu	2			
4.16	Sunfua	Mẫu	2			
4.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	2			
4.18	Clo dư	Mẫu	2			
4.19	Nitrat	Mẫu	2			
4.20	Colifom	Mẫu	2			
4.21	Pb	Mẫu	2			

4.22	Zn	Mẫu	2			
4.23	Cu	Mẫu	2			
4.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	2			
4.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	2			
4.26	Ni	Mẫu	2			
4.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	2			
4.28	Phenol	Mẫu	2			
4.29	Florua	Mẫu	2			
4.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$	Mẫu	2			
4.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$	Mẫu	2			
<b>5</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 5(02 chỉ tiêu)</i></b>					
5.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
5.2	Clo dư.	Mẫu	2			
<b>6</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 5(16 chỉ tiêu)</i></b>					
6.1	pH	Mẫu	1			
6.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1			
6.3	COD	Mẫu	1			
6.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1			
6.5	Cd	Mẫu	1			
6.6	As	Mẫu	1			
6.7	Hg	Mẫu	1			
6.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1			
6.9	Sunfua	Mẫu	1			
6.10	Colifom	Mẫu	1			
6.11	Pb	Mẫu	1			
6.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )	Mẫu	1			
6.13	Tổng các chất hoạt động bề	Mẫu	1			
6.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1			
6.15	Nitrat	Mẫu	1			
6.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1			
<b>7</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp</i></b>	Mẫu				
7.1	Nhiệt độ	Mẫu	4			

7.2	pH	Mẫu	4			
7.3	Màu	Mẫu	4			
7.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	4			
7.5	COD	Mẫu	4			
7.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	4			
7.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	4			
7.8	Cd	Mẫu	4			
7.9	As	Mẫu	4			
7.10	Hg	Mẫu	4			
7.11	Mn	Mẫu	4			
7.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	4			
7.13	Photpho tổng số	Mẫu	4			
7.14	Fe	Mẫu	4			
7.15	Amoniac	Mẫu	4			
7.16	Sunfua	Mẫu	4			
7.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	4			
7.18	Clo dư	Mẫu	4			
7.19	Nitrat	Mẫu	4			
7.20	Colifom	Mẫu	4			
7.21	Pb	Mẫu	4			
7.22	Zn	Mẫu	4			
7.23	Cu	Mẫu	4			
7.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	4			
7.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	4			
7.26	Ni	Mẫu	4			
7.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	4			
7.28	Phenol	Mẫu	4			
7.29	Florua	Mẫu	4			
7.30	Tổng hoạt động phóng xạ α	Mẫu	4			
7.31	Tổng hoạt động phóng xạ β	Mẫu	4			
<b>8</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng</i></b>					
8.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
8.2	Clo dư	Mẫu	2			
<b>9</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng</i></b>					

9.1	pH	Mẫu	1			
9.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1			
9.3	COD	Mẫu	1			
9.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1			
9.5	Cd	Mẫu	1			
9.6	As	Mẫu	1			
9.7	Hg	Mẫu	1			
9.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1			
9.9	Sunfua	Mẫu	1			
9.10	Colifom	Mẫu	1			
9.11	Pb	Mẫu	1			
9.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )	Mẫu	1			
9.13	Tổng các chất hoạt động bề	Mẫu	1			
9.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1			
9.15	Nitrat	Mẫu	1			
9.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1			
<b>10</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp</i></b>					
10.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
10.2	pH	Mẫu	2			
10.3	Màu	Mẫu	2			
10.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2			
10.5	COD	Mẫu	2			
10.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	2			
10.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	2			
10.8	Cd	Mẫu	2			
10.9	As	Mẫu	2			
10.10	Hg	Mẫu	2			
10.11	Mn	Mẫu	2			
10.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	2			
10.13	Photpho tổng số	Mẫu	2			
10.14	Fe	Mẫu	2			
10.15	Amoniac	Mẫu	2			
10.16	Sunfua	Mẫu	2			
10.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	2			

10.18	Clo dư	Mẫu	2			
10.19	Nitrat	Mẫu	2			
10.20	Colifom	Mẫu	2			
10.21	Pb	Mẫu	2			
10.22	Zn	Mẫu	2			
10.23	Cu	Mẫu	2			
10.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	2			
10.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	2			
10.26	Ni	Mẫu	2			
10.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	2			
10.28	Phenol	Mẫu	2			
10.29	Florua	Mẫu	2			
10.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$	Mẫu	2			
10.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$	Mẫu	2			
<b>11</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 7 (02 chỉ tiêu)</i></b>					
11.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
11.2	Clo dư	Mẫu	2			
<b>12</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 7 (16 chỉ tiêu)</i></b>					
12.1	pH	Mẫu	1			
12.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1			
12.3	COD	Mẫu	1			
12.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1			
12.5	Cd	Mẫu	1			
12.6	As	Mẫu	1			
12.7	Hg	Mẫu	1			
12.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1			
12.9	Sunfua	Mẫu	1			

12.10	Colifom	Mẫu	1			
12.11	Pb	Mẫu	1			
12.12	Photphat ( $PO^3_4$ )	Mẫu	1			
12.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1			
12.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1			
12.15	Nitrat	Mẫu	1			
12.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1			
<b>13</b>	<b><i>Nước thải tháng công nghiệp tháng 8(31 chỉ tiêu)</i></b>					
13.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
13.2	pH	Mẫu	2			
13.3	Màu	Mẫu	2			
13.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2			
13.5	COD	Mẫu	2			
13.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	2			
13.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	2			
13.8	Cd	Mẫu	2			
13.9	As	Mẫu	2			
13.10	Hg	Mẫu	2			
13.11	Mn	Mẫu	2			
13.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	2			
13.13	Photpho tổng số	Mẫu	2			
13.14	Fe	Mẫu	2			
13.15	Amoniac	Mẫu	2			
13.16	Sulfua	Mẫu	2			
13.17	Ni tự tổng số	Mẫu	2			
13.18	Clo dư	Mẫu	2			
13.19	Nitrat	Mẫu	2			
13.20	Colifom	Mẫu	2			
13.21	Pb	Mẫu	2			

13.22	Zn	Mẫu	2			
13.23	Cu	Mẫu	2			
13.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	2			
13.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	2			
13.26	Ni	Mẫu	2			
13.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	2			
13.28	Phenol	Mẫu	2			
13.29	Florua	Mẫu	2			
13.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$	Mẫu	2			
13.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$	Mẫu	2			
<b>14</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng</i></b>					
14.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
14.2	Clo dư.	Mẫu	2			
<b>15</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng</i></b>					
15.1	pH	Mẫu	1			
15.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1			
15.3	COD	Mẫu	1			
15.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1			
15.5	Cd	Mẫu	1			
15.6	As	Mẫu	1			
15.7	Hg	Mẫu	1			
15.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1			
15.9	Sunfua	Mẫu	1			
15.10	Colifom	Mẫu	1			
15.11	Pb	Mẫu	1			
15.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )	Mẫu	1			
15.13	Tổng các chất hoạt động bề	Mẫu	1			
15.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1			
15.15	Nitrat	Mẫu	1			
15.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1			
<b>16</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp tháng 9 (31 chỉ tiêu)</i></b>					
16.1	Nhiệt độ	Mẫu	4			

16.2	pH	Mẫu	4			
16.3	Màu	Mẫu	4			
16.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	4			
16.5	COD	Mẫu	4			
16.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	4			
16.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	4			
16.8	Cd	Mẫu	4			
16.9	As	Mẫu	4			
16.10	Hg	Mẫu	4			
16.11	Mn	Mẫu	4			
16.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	4			
16.13	Photpho tổng số	Mẫu	4			
16.14	Fe	Mẫu	4			
16.15	Amoniac	Mẫu	4			
16.16	Sunfua	Mẫu	4			
16.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	4			
16.18	Clo dư	Mẫu	4			
16.19	Nitrat	Mẫu	4			
16.20	Colifom	Mẫu	4			
16.21	Pb	Mẫu	4			
16.22	Zn	Mẫu	4			
16.23	Cu	Mẫu	4			
16.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	4			
16.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	4			

16.26	Ni	Mẫu	4			
16.27	CN -	Mẫu	4			
16.28	Phenol	Mẫu	4			
16.29	Florua	Mẫu	4			
13.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$	Mẫu	4			
16.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$	Mẫu	4			
<b>17</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 9(02 chỉ tiêu)</i></b>					
17.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
17.2	Clo dư	Mẫu	2			
<b>18</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 9(16 chỉ tiêu)</i></b>					
18.1	pH	Mẫu	1			
18.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1			
18.3	COD	Mẫu	1			
18.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1			
18.5	Cd	Mẫu	1			
18.6	As	Mẫu	1			
18.7	Hg	Mẫu	1			
18.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1			
18.9	Sunfua	Mẫu	1			
18.10	Colifom	Mẫu	1			
18.11	Pb	Mẫu	1			
18.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )	Mẫu	1			
18.13	Tổng các chất hoạt động bề	Mẫu	1			
18.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1			
18.15	Nitrat	Mẫu	1			
18.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1			
<b>19</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp</i></b>					
19.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
19.2	pH	Mẫu	2			

19.3	Màu	Mẫu	2			
19.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2			
19.5	COD	Mẫu	2			
19.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	2			
19.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	2			
19.8	Cd	Mẫu	2			
19.9	As	Mẫu	2			
19.10	Hg	Mẫu	2			
19.11	Mn	Mẫu	2			
19.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	2			
19.13	Photpho tổng số	Mẫu	2			
19.14	Fe	Mẫu	2			
19.15	Amoniac	Mẫu	2			
19.16	Sunfua	Mẫu	2			
19.17	Ni tự tổng số	Mẫu	2			
19.18	Clo dư	Mẫu	2			
19.19	Nitrat	Mẫu	2			
19.20	Colifom	Mẫu	2			
19.21	Pb	Mẫu	2			
19.22	Zn	Mẫu	2			
19.23	Cu	Mẫu	2			
19.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	2			
19.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	2			
19.26	Ni	Mẫu	2			
19.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	2			
19.28	Phenol	Mẫu	2			
19.29	Florua	Mẫu	2			
19.30	Tổng hoạt động phóng xạ α	Mẫu	2			
19.31	Tổng hoạt động phóng xạ β	Mẫu	2			
<b>20</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng</i></b>					
20.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
20.2	Clo dư	Mẫu	2			
<b>21</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng</i></b>					
21.1	pH	Mẫu	1			

21.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1			
21.3	COD	Mẫu	1			
21.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1			
21.5	Cd	Mẫu	1			
21.6	As	Mẫu	1			
21.7	Hg	Mẫu	1			
21.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1			
21.9	Sunfua	Mẫu	1			
21.10	Colifom	Mẫu	1			
21.11	Pb	Mẫu	1			
21.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )	Mẫu	1			
21.13	Tổng các chất hoạt động bề	Mẫu	1			
21.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1			
21.15	Nitrat	Mẫu	1			
21.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1			
<b>22</b>	<b>Nước thải tháng công</b>					
22.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
22.2	pH	Mẫu	2			
22.3	Màu	Mẫu	2			
22.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2			
22.5	COD	Mẫu	2			
22.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	2			
22.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	2			
22.8	Cd	Mẫu	2			
22.9	As	Mẫu	2			
22.10	Hg	Mẫu	2			
22.11	Mn	Mẫu	2			
22.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	2			
22.13	Photpho tổng số	Mẫu	2			
22.14	Fe	Mẫu	2			
22.15	Amoniac	Mẫu	2			
22.16	Sunfua	Mẫu	2			
22.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	2			
22.18	Clo dư	Mẫu	2			

22.19	Nitrat	Mẫu	2			
22.20	Colifom	Mẫu	2			
22.21	Pb	Mẫu	2			
22.22	Zn	Mẫu	2			
22.23	Cu	Mẫu	2			
22.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	2			
22.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	2			
22.26	Ni	Mẫu	2			
22.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	2			
22.28	Phenol	Mẫu	2			
22.29	Florua	Mẫu	2			
22.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$	Mẫu	2			
22.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$	Mẫu	2			
<b>23</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng</i></b>					
23.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
23.2	Clo dư	Mẫu	2			
<b>24</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng</i></b>					
24.1	pH	Mẫu	1			
24.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1			
24.3	COD	Mẫu	1			
24.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1			
24.5	Cd	Mẫu	1			
24.6	As	Mẫu	1			
24.7	Hg	Mẫu	1			
24.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1			
24.9	Sunfua	Mẫu	1			
24.10	Colifom	Mẫu	1			
24.11	Pb	Mẫu	1			
24.12	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )	Mẫu	1			
15.13	Tổng các chất hoạt động bề	Mẫu	1			
24.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1			
24.15	Nitrat	Mẫu	1			
24.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1			

25	<i>Nước thải công nghiệp tháng 12 (31 chỉ tiêu)</i>					
25.1	Nhiệt độ	Mẫu	4			
25.2	pH	Mẫu	4			
25.3	Màu	Mẫu	4			
25.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	4			
25.5	COD	Mẫu	4			
25.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	4			
25.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	4			
25.8	Cd	Mẫu	4			
25.9	As	Mẫu	4			
25.10	Hg	Mẫu	4			
25.11	Mn	Mẫu	4			
25.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	4			
25.13	Photpho tổng số	Mẫu	4			
25.14	Fe	Mẫu	4			
25.15	Amoniac	Mẫu	4			
25.16	Sunfua	Mẫu	4			
25.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	4			
25.18	Clo dư	Mẫu	4			
25.19	Nitrat	Mẫu	4			
25.20	Colifom	Mẫu	4			
25.21	Pb	Mẫu	4			
25.22	Zn	Mẫu	4			
25.23	Cu	Mẫu	4			

25.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	4			
25.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	4			
25.26	Ni	Mẫu	4			
25.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	4			
25.28	Phenol	Mẫu	4			
25.29	Florua	Mẫu	4			
25.30	Tổng hoạt động phóng xạ α	Mẫu	4			
25.31	Tổng hoạt động phóng xạ β	Mẫu	4			
<b>26</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 12(02 chỉ tiêu)</i></b>					
26.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
26.2	Clo dư	Mẫu	2			
<b>27</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 12(16 chỉ tiêu)</i></b>					
27.1	pH	Mẫu	1			
27.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1			
27.3	COD	Mẫu	1			
27.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1			
27.5	Cd	Mẫu	1			
27.6	As	Mẫu	1			
27.7	Hg	Mẫu	1			
27.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1			
27.9	Sunfua	Mẫu	1			
27.10	Colifom	Mẫu	1			
27.11	Pb	Mẫu	1			
27.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )	Mẫu	1			
27.13	Tổng các chất hoạt động bề	Mẫu	1			
27.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1			
27.15	Nitrat	Mẫu	1			
27.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1			

<b>28</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp</i></b>					
28.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
28.2	pH	Mẫu	2			
28.3	Màu	Mẫu	2			
28.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2			
28.5	COD	Mẫu	2			
28.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	2			
28.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	2			
28.8	Cd	Mẫu	2			
28.9	As	Mẫu	2			
28.10	Hg	Mẫu	2			
28.11	Mn	Mẫu	2			
28.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	2			
28.13	Photpho tổng số	Mẫu	2			
28.14	Fe	Mẫu	2			
28.15	Amoniac	Mẫu	2			
28.16	Sunfua	Mẫu	2			
28.17	Ni tự tổng số	Mẫu	2			
28.18	Clo dư	Mẫu	2			
28.19	Nitrat	Mẫu	2			
28.20	Colifom	Mẫu	2			
28.21	Pb	Mẫu	2			
28.22	Zn	Mẫu	2			
28.23	Cu	Mẫu	2			
28.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	2			
28.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	2			
28.26	Ni	Mẫu	2			
28.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	2			
28.28	Phenol	Mẫu	2			
28.29	Florua	Mẫu	2			
28.30	Tổng hoạt động phóng xạ α	Mẫu	2			
28.31	Tổng hoạt động phóng xạ β	Mẫu	2			
<b>29</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 1/2026 (02 chỉ tiêu)</i></b>					

29.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
29.2	Clo dư	Mẫu	2			
<b>30</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 1/2026 (16 chỉ tiêu)</i></b>					
30.1	pH	Mẫu	1			
30.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1			
30.3	COD	Mẫu	1			
30.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1			
30.5	Cd	Mẫu	1			
30.6	As	Mẫu	1			
30.7	Hg	Mẫu	1			
30.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1			
30.9	Sunfua	Mẫu	1			
30.10	Colifom	Mẫu	1			
30.11	Pb	Mẫu	1			
30.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )	Mẫu	1			
30.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1			
30.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1			
30.15	Nitrat	Mẫu	1			
30.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1			
<b>31</b>	<b><i>Nước thải tháng công nghiệp tháng 2/2026 (31 chỉ tiêu)</i></b>					
31.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
31.2	pH	Mẫu	2			

31.3	Màu	Mẫu	2			
31.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2			
31.5	COD	Mẫu	2			
31.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	2			
31.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	2			
31.8	Cd	Mẫu	2			
31.9	As	Mẫu	2			
31.10	Hg	Mẫu	2			
31.11	Mn	Mẫu	2			
31.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	2			
31.13	Photpho tổng số	Mẫu	2			
31.14	Fe	Mẫu	2			
31.15	Amoniac	Mẫu	2			
31.16	Sunfua	Mẫu	2			
31.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	2			
31.18	Clo dư	Mẫu	2			
31.19	Nitrat	Mẫu	2			
31.20	Colifom	Mẫu	2			
31.21	Pb	Mẫu	2			
31.22	Zn	Mẫu	2			
31.23	Cu	Mẫu	2			
31.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	2			
31.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	2			
31.26	Ni	Mẫu	2			

31.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	2			
31.28	Phenol	Mẫu	2			
31.29	Florua	Mẫu	2			
31.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$	Mẫu	2			
31.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$	Mẫu	2			
32	<b><i>Nước thải làm mát tháng 2/2026(02 chỉ tiêu)</i></b>					
32.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
32.2	Clo dư	Mẫu	2			
33	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 2/2026 (16 chỉ tiêu)</i></b>					
33.1	pH	Mẫu	1			
33.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1			
33.3	COD	Mẫu	1			
33.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1			
33.5	Cd	Mẫu	1			
33.6	As	Mẫu	1			
33.7	Hg	Mẫu	1			
33.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1			
33.9	Sunfua	Mẫu	1			
33.10	Colifom	Mẫu	1			
33.11	Pb	Mẫu	1			
33.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )	Mẫu	1			
33.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1			
33.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1			

33.15	Nitrat	Mẫu	1			
33.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1			
<b>34</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp tháng 3/2026 (31 chỉ tiêu)</i></b>					
34.1	Nhiệt độ	Mẫu	4			
34.2	pH	Mẫu	4			
34.3	Màu	Mẫu	4			
34.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	4			
34.5	COD	Mẫu	4			
34.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	4			
34.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	4			
34.8	Cd	Mẫu	4			
34.9	As	Mẫu	4			
34.10	Hg	Mẫu	4			
34.11	Mn	Mẫu	4			
34.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	4			
34.13	Photpho tổng số	Mẫu	4			
34.14	Fe	Mẫu	4			
34.15	Amoniac	Mẫu	4			
34.16	Sunfua	Mẫu	4			
34.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	4			
34.18	Clo dư	Mẫu	4			
34.19	Nitrat	Mẫu	4			
34.20	Colifom	Mẫu	4			
34.21	Pb	Mẫu	4			

34.22	Zn	Mẫu	4			
34.23	Cu	Mẫu	4			
34.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	4			
34.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	4			
34.26	Ni	Mẫu	4			
34.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	4			
34.28	Phenol	Mẫu	4			
34.29	Florua	Mẫu	4			
34.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$	Mẫu	4			
34.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$	Mẫu	4			
<b>35</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 3/2026(02 chỉ tiêu)</i></b>					
35.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
35.2	Clo dư	Mẫu	2			
<b>36</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 3/2026(16 chỉ tiêu)</i></b>					
36.1	pH	Mẫu	1			
36.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1			
36.3	COD	Mẫu	1			
36.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1			
36.5	Cd	Mẫu	1			
36.6	As	Mẫu	1			
36.7	Hg	Mẫu	1			
36.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1			
36.9	Sunfua	Mẫu	1			

36.10	Colifom	Mẫu	1			
36.11	Pb	Mẫu	1			
36.12	Photphat ( $PO^3_4$ )	Mẫu	1			
36.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1			
36.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1			
36.15	Nitrat	Mẫu	1			
36.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1			
<b>III</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường nước mặt các tháng từ Quý 2 /2025 đến các tháng Q1/2026.</b>					
<i>1</i>	<i>Nước mặt tháng 4(25 chỉ tiêu)</i>					
1.1	pH	Mẫu	7			
1.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7			
1.3	COD	Mẫu	7			
1.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7			
1.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7			
1.6	Amoni	Mẫu	7			
1.7	Clorua	Mẫu	7			
1.8	Florua	Mẫu	7			
1.9	Nitrat	Mẫu	7			
1.10	Nitrit	Mẫu	7			
1.11	Photphat	Mẫu	7			
1.12	Xianua	Mẫu	7			
1.13	Zn	Mẫu	7			
1.14	Mn	Mẫu	7			
1.15	Fe	Mẫu	7			
1.16	Cu	Mẫu	7			
1.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7			
1.18	Colifom	Mẫu	7			

1.19	Cd	Mẫu	7			
1.20	Tổng Cr	Mẫu	7			
1.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7			
1.22	Ni	Mẫu	7			
1.23	As	Mẫu	7			
1.24	Hg	Mẫu	7			
1.25	Pb	Mẫu	7			
<b>2</b>	<b>Nước mặt tháng 5(25 chỉ tiêu)</b>					
2.1	pH	Mẫu	7			
2.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7			
2.3	COD	Mẫu	7			
2.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7			
2.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7			
2.6	Amoni	Mẫu	7			
2.7	Clorua	Mẫu	7			
2.8	Florua	Mẫu	7			
2.9	Nitrat	Mẫu	7			
2.10	Nitrit	Mẫu	7			
2.11	Photphat	Mẫu	7			
2.12	Xianua	Mẫu	7			
2.13	Zn	Mẫu	7			
2.14	Mn	Mẫu	7			
2.15	Fe	Mẫu	7			
2.16	Cu	Mẫu	7			
2.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7			
2.18	Colifom	Mẫu	7			
2.19	Cd	Mẫu	7			
2.20	Tổng Cr	Mẫu	7			
2.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7			
2.22	Ni	Mẫu	7			
2.23	As	Mẫu	7			
2.24	Hg	Mẫu	7			
2.25	Pb	Mẫu	7			

<b>3</b>	<b>Nước mặt tháng 6(25 chỉ tiêu)</b>					
3.1	pH	Mẫu	7			
3.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7			
3.3	COD	Mẫu	7			
3.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7			
3.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7			
3.6	Amoni	Mẫu	7			
3.7	Clorua	Mẫu	7			
3.8	Florua	Mẫu	7			
3.9	Nitrat	Mẫu	7			
3.10	Nitrit	Mẫu	7			
3.11	Photphat	Mẫu	7			
3.12	Xianua	Mẫu	7			
3.13	Zn	Mẫu	7			
3.14	Mn	Mẫu	7			
3.15	Fe	Mẫu	7			
3.16	Cu	Mẫu	7			
3.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7			
3.18	Colifom	Mẫu	7			
3.19	Cd	Mẫu	7			
3.20	Tổng Cr	Mẫu	7			
3.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7			
3.22	Ni	Mẫu	7			
3.23	As	Mẫu	7			
3.24	Hg	Mẫu	7			
3.25	Pb	Mẫu	7			
<b>4</b>	<b>Nước mặt tháng 7(25 chỉ tiêu)</b>					
4.1	pH	Mẫu	7			
4.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7			
4.3	COD	Mẫu	7			

4.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7			
4.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7			
4.6	Amoni	Mẫu	7			
4.7	Clorua	Mẫu	7			
4.8	Florua	Mẫu	7			
4.9	Nitrat	Mẫu	7			
4.10	Nitrit	Mẫu	7			
4.11	Photphat	Mẫu	7			
4.12	Xianua	Mẫu	7			
4.13	Zn	Mẫu	7			
4.14	Mn	Mẫu	7			
4.15	Fe	Mẫu	7			
4.16	Cu	Mẫu	7			
4.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7			
4.18	Colifom	Mẫu	7			
4.19	Cd	Mẫu	7			
4.20	Tổng Cr	Mẫu	7			
4.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7			
4.22	Ni	Mẫu	7			
4.23	As	Mẫu	7			
4.24	Hg	Mẫu	7			
4.25	Pb	Mẫu	7			
5	<i>Nước mặt tháng 8(25 chỉ tiêu)</i>					
5.1	pH	Mẫu	7			

5.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7			
5.3	COD	Mẫu	7			
5.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7			
5.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7			
5.6	Amoni	Mẫu	7			
5.7	Clorua	Mẫu	7			
5.8	Florua	Mẫu	7			
5.9	Nitrat	Mẫu	7			
5.10	Nitrit	Mẫu	7			
5.11	Photphat	Mẫu	7			
5.12	Xianua	Mẫu	7			
5.13	Zn	Mẫu	7			
5.14	Mn	Mẫu	7			
5.15	Fe	Mẫu	7			
5.16	Cu	Mẫu	7			
5.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7			
5.18	Colifom	Mẫu	7			
5.19	Cd	Mẫu	7			
5.20	Tổng Cr	Mẫu	7			
5.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7			
5.22	Ni	Mẫu	7			
5.23	As	Mẫu	7			
5.24	Hg	Mẫu	7			
5.25	Pb	Mẫu	7			

<b>6</b>	<b><i>Nước mặt tháng 9(25 chỉ tiêu)</i></b>					
6.1	pH	Mẫu	7			
6.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7			
6.3	COD	Mẫu	7			
6.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7			
6.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7			
6.6	Amoni	Mẫu	7			
6.7	Clorua	Mẫu	7			
6.8	Florua	Mẫu	7			
6.9	Nitrat	Mẫu	7			
6.10	Nitrit	Mẫu	7			
6.11	Photphat	Mẫu	7			
6.12	Xianua	Mẫu	7			
6.13	Zn	Mẫu	7			
6.14	Mn	Mẫu	7			
6.15	Fe	Mẫu	7			
6.16	Cu	Mẫu	7			
6.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7			
6.18	Colifom	Mẫu	7			
6.19	Cd	Mẫu	7			
6.20	Tổng Cr	Mẫu	7			
6.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7			
6.22	Ni	Mẫu	7			
6.23	As	Mẫu	7			

6.24	Hg	Mẫu	7			
6.25	Pb	Mẫu	7			
7	<i>Nước mặt tháng 10(25 chỉ tiêu)</i>					
7.1	pH	Mẫu	7			
7.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7			
7.3	COD	Mẫu	7			
7.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7			
7.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7			
7.6	Amoni	Mẫu	7			
7.7	Clorua	Mẫu	7			
7.8	Florua	Mẫu	7			
7.9	Nitrat	Mẫu	7			
7.10	Nitrit	Mẫu	7			
7.11	Photphat	Mẫu	7			
7.12	Xianua	Mẫu	7			
7.13	Zn	Mẫu	7			
7.14	Mn	Mẫu	7			
7.15	Fe	Mẫu	7			
7.16	Cu	Mẫu	7			
7.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7			
7.18	Colifom	Mẫu	7			
7.19	Cd	Mẫu	7			
7.20	Tổng Cr	Mẫu	7			
7.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7			

7.22	Ni	Mẫu	7			
7.23	As	Mẫu	7			
7.24	Hg	Mẫu	7			
7.25	Pb	Mẫu	7			
8	<i>Nước mặt tháng 11(25 chỉ tiêu)</i>					
8.1	pH	Mẫu	7			
8.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7			
8.3	COD	Mẫu	7			
8.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7			
8.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7			
8.6	Amoni	Mẫu	7			
8.7	Clorua	Mẫu	7			
8.8	Florua	Mẫu	7			
8.9	Nitrat	Mẫu	7			
8.10	Nitrit	Mẫu	7			
8.11	Photphat	Mẫu	7			
8.12	Xianua	Mẫu	7			
8.13	Zn	Mẫu	7			
8.14	Mn	Mẫu	7			
8.15	Fe	Mẫu	7			
8.16	Cu	Mẫu	7			
8.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7			
8.18	Colifom	Mẫu	7			
8.19	Cd	Mẫu	7			

8.20	Tổng Cr	Mẫu	7			
8.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7			
8.22	Ni	Mẫu	7			
8.23	As	Mẫu	7			
8.24	Hg	Mẫu	7			
8.25	Pb	Mẫu	7			
<b>9</b>	<b><i>Nước mặt tháng 12(25 chỉ tiêu)</i></b>					
9.1	pH	Mẫu	7			
9.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7			
9.3	COD	Mẫu	7			
9.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7			
9.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7			
9.6	Amoni	Mẫu	7			
9.7	Clorua	Mẫu	7			
9.8	Florua	Mẫu	7			
9.9	Nitrat	Mẫu	7			
9.10	Nitrit	Mẫu	7			
9.11	Photphat	Mẫu	7			
9.12	Xianua	Mẫu	7			
9.13	Zn	Mẫu	7			
9.14	Mn	Mẫu	7			
9.15	Fe	Mẫu	7			
9.16	Cu	Mẫu	7			
9.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7			

9.18	Colifom	Mẫu	7			
9.19	Cd	Mẫu	7			
9.20	Tổng Cr	Mẫu	7			
9.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7			
9.22	Ni	Mẫu	7			
9.23	As	Mẫu	7			
9.24	Hg	Mẫu	7			
9.25	Pb	Mẫu	7			
<b>10</b>	<b><i>Nước mặt tháng 1/2026(25 chỉ tiêu)</i></b>					
10.1	pH	Mẫu	7			
10.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7			
10.3	COD	Mẫu	7			
10.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7			
10.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7			
10.6	Amoni	Mẫu	7			
10.7	Clorua	Mẫu	7			
10.8	Florua	Mẫu	7			
10.9	Nitrat	Mẫu	7			
10.10	Nitrit	Mẫu	7			
10.11	Photphat	Mẫu	7			
10.12	Xianua	Mẫu	7			
10.13	Zn	Mẫu	7			
10.14	Mn	Mẫu	7			
10.15	Fe	Mẫu	7			

10.16	Cu	Mẫu	7			
10.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7			
10.18	Colifom	Mẫu	7			
10.19	Cd	Mẫu	7			
10.20	Tổng Cr	Mẫu	7			
10.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7			
10.22	Ni	Mẫu	7			
10.23	As	Mẫu	7			
10.24	Hg	Mẫu	7			
10.25	Pb	Mẫu	7			
<b>11</b>	<b><i>Nước mặt tháng 2/2026(25 chỉ tiêu)</i></b>					
11.1	pH	Mẫu	7			
11.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7			
11.3	COD	Mẫu	7			
11.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7			
11.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7			
11.6	Amoni	Mẫu	7			
11.7	Clorua	Mẫu	7			
11.8	Florua	Mẫu	7			
11.9	Nitrat	Mẫu	7			
11.10	Nitrit	Mẫu	7			
11.11	Photphat	Mẫu	7			
11.12	Xianua	Mẫu	7			
11.13	Zn	Mẫu	7			

11.14	Mn	Mẫu	7			
11.15	Fe	Mẫu	7			
11.16	Cu	Mẫu	7			
11.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7			
11.18	Colifom	Mẫu	7			
11.19	Cd	Mẫu	7			
11.20	Tổng Cr	Mẫu	7			
11.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7			
11.22	Ni	Mẫu	7			
11.23	As	Mẫu	7			
11.24	Hg	Mẫu	7			
11.25	Pb	Mẫu	7			
<b>12</b>	<b><i>Nước mặt tháng 3/2026(25 chỉ tiêu)</i></b>					
12.1	pH	Mẫu	7			
12.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7			
12.3	COD	Mẫu	7			
12.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7			
12.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7			
12.6	Amoni	Mẫu	7			
12.7	Clorua	Mẫu	7			
12.8	Florua	Mẫu	7			
12.9	Nitrat	Mẫu	7			
12.10	Nitrit	Mẫu	7			
12.11	Photphat	Mẫu	7			

12.12	Xianua	Mẫu	7			
12.13	Zn	Mẫu	7			
12.14	Mn	Mẫu	7			
12.15	Fe	Mẫu	7			
12.16	Cu	Mẫu	7			
12.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7			
12.18	Colifom	Mẫu	7			
12.19	Cd	Mẫu	7			
12.20	Tổng Cr	Mẫu	7			
12.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7			
12.22	Ni	Mẫu	7			
12.23	As	Mẫu	7			
12.24	Hg	Mẫu	7			
12.25	Pb	Mẫu	7			
<b>IV</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường khí thải công nghiệp tháng 6/2025, tháng 9/2025, tháng 12/2025 và tháng 3/2026</b>					
<b>1</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường khí thải công nghiệp theo quy định tháng 6 (9 chỉ tiêu)</b>					
1.1	SO <sub>2</sub>	Mẫu	9			
1.2	NO <sub>x</sub>	Mẫu	9			
1.3	Bụi tổng	Mẫu	9			
1.4	Lưu lượng	Mẫu	9			
1.5	Nhiệt độ	Mẫu	9			
1.6	O <sub>2</sub>	Mẫu	9			

1.7	CO	Mẫu	9			
1.8	CO <sub>2</sub>	Mẫu	9			
1.9	Áp suất	Mẫu	9			
<b>2</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường khí thải công nghiệp theo quy định tháng 9 (9 chỉ tiêu)</b>					
2.1	SO <sub>2</sub>	Mẫu	9			
2.2	NO <sub>x</sub>	Mẫu	9			
2.3	Bụi tổng	Mẫu	9			
2.4	Lưu lượng	Mẫu	9			
2.5	Nhiệt độ	Mẫu	9			
2.6	O <sub>2</sub>	Mẫu	9			
2.7	CO	Mẫu	9			
2.8	CO <sub>2</sub>	Mẫu	9			
2.9	Áp suất	Mẫu	9			
<b>3</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường khí thải công nghiệp theo quy định tháng 12 (9 chỉ tiêu)</b>					
3.1	SO <sub>2</sub>	Mẫu	9			
3.2	NO <sub>x</sub>	Mẫu	9			
3.3	Bụi tổng	Mẫu	9			
3.4	Lưu lượng	Mẫu	9			
3.5	Nhiệt độ	Mẫu	9			
3.6	O <sub>2</sub>	Mẫu	9			
3.7	CO	Mẫu	9			
3.8	CO <sub>2</sub>	Mẫu	9			
3.9	Áp suất	Mẫu	9			

<b>4</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường khí thải công nghiệp theo quy định tháng 3/2026 (9 chỉ tiêu)</b>					
4.1	SO <sub>2</sub>	Mẫu	9			
4.2	NO <sub>x</sub>	Mẫu	9			
4.3	Bụi tổng	Mẫu	9			
4.4	Lưu lượng	Mẫu	9			
4.5	Nhiệt độ	Mẫu	9			
4.6	O <sub>2</sub>	Mẫu	9			
4.7	CO	Mẫu	9			
4.8	CO <sub>2</sub>	Mẫu	9			
4.9	Áp suất	Mẫu	9			
<b>V</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường đất tháng tháng 6/2025, tháng 9/2025, tháng 12/2025 và tháng 3/2026</b>					
<b>1</b>	<b>Chất lượng đất tháng 6/2025 (8 chỉ tiêu)</b>					
1.1	pH	Mẫu	4			
1.2	Σ N (Tổng Nito)	Mẫu	4			
1.3	Σ P (Tổng Photpho)	Mẫu	4			
1.4	Fe (Sắt)	Mẫu	4			
1.5	Pb (Chì)	Mẫu	4			
1.6	Zn (Kẽm)	Mẫu	4			
1.7	Cu (Đồng)	Mẫu	4			
1.8	Cr (Crom)	Mẫu	4			
<b>1</b>	<b>Chất lượng đất tháng 9/2025 (8 chỉ tiêu)</b>					

2.1	pH	Mẫu	4			
2.2	$\Sigma$ N (Tổng Nito)	Mẫu	4			
2.3	$\Sigma$ P (Tổng Photpho)	Mẫu	4			
2.4	Fe (Sắt)	Mẫu	4			
2.5	Pb (Chì)	Mẫu	4			
2.6	Zn (Kẽm)	Mẫu	4			
2.7	Cu (Đồng)	Mẫu	4			
2.8	Cr (Crom)	Mẫu	4			
<b>2</b>	<b>Chất lượng đất tháng 12/2025 (8 chỉ tiêu)</b>					
2.1	pH	Mẫu	4			
2.2	$\Sigma$ N (Tổng Nito)	Mẫu	4			
2.3	$\Sigma$ P (Tổng Photpho)	Mẫu	4			
2.4	Fe (Sắt)	Mẫu	4			
2.5	Pb (Chì)	Mẫu	4			
2.6	Zn (Kẽm)	Mẫu	4			
2.7	Cu (Đồng)	Mẫu	4			
2.8	Cr (Crom)	Mẫu	4			
<b>3</b>	<b>Chất lượng đất tháng 3/2026(8 chỉ tiêu)</b>					
3.1	pH	Mẫu	4			
3.2	$\Sigma$ N (Tổng Nito)	Mẫu	4			
3.3	$\Sigma$ P (Tổng Photpho)	Mẫu	4			
3.4	Fe (Sắt)	Mẫu	4			
3.5	Pb (Chì)	Mẫu	4			
3.6	Zn (Kẽm)	Mẫu	4			
3.7	Cu (Đồng)	Mẫu	4			
3.8	Cr (Crom)	Mẫu	4			

\*) Ghi chú: Nội dung chi tiết Phạm vi cung cấp dịch vụ được nêu trong các Bảng tiên lượng tại Khoản 2.3 Mục 2 Chương này. Nhà thầu cần khảo sát thực tế và tham khảo các Bảng tiên lượng để xây dựng phương án cụ thể trong Hồ sơ dự thầu.

### 1.3. Kế hoạch thực hiện

- Thời gian thực hiện dự án: Từ Q2/2026 đến Q1/2027.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 365 ngày
- Nhà thầu phải lập tiến độ thi công cho từng nội dung công việc (theo biểu đồ GANTT hoặc bảng) thể hiện tiến trình thực hiện các công việc, biểu đồ huy động máy móc, thiết bị, nhân lực phù hợp với tiến độ của toàn dự án.

Bảng tiến độ thực hiện phải lập cho các nội dung công việc sau đây:

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
I	Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh các tháng từ Quý 2 /2026 đến các tháng Q1/2027			Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật (Chi tiết yêu cầu tại Mục 2)	Công ty CPNĐ Phả Lại
1	Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 4 (6 chỉ tiêu)					
1.1	CO	Mẫu	7			
1.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
1.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
1.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
1.5	Bụi	Mẫu	7			
1.6	Tiếng ồn	Mẫu	7			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
<b>2</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 5 (6 chỉ tiêu)</b>					
2.1	CO	Mẫu	7			
2.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
2.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
2.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
2.5	Bụi	Mẫu	7			
2.6	Tiếng ồn	Mẫu	7			
<b>3</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 6 (6 chỉ tiêu)</b>					
3.1	CO	Mẫu	7			
3.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
3.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
3.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
3.5	Bụi	Mẫu	7			
3.6	Tiếng ồn	Mẫu	7			
<b>4</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 7 (6 chỉ tiêu)</b>					
4.1	CO	Mẫu	7			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
4.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
4.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
4.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
4.5	Bụi	Mẫu	7			
4.6	Tiếng ồn	Mẫu	7			
<b>5</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 8 (6 chỉ tiêu)</b>					
5.1	CO	Mẫu	7			
5.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
5.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
5.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
5.5	Bụi	Mẫu	7			
5.6	Tiếng ồn	Mẫu	7			
<b>6</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 9 (6 chỉ tiêu)</b>					
6.1	CO	Mẫu	7			
6.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
6.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
6.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
6.5	Bụi	Mẫu	7			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
6.6	Tiếng ồn	Mẫu	7			
<b>7</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 10 (6 chỉ tiêu)</b>					
7.1	CO	Mẫu	7			
7.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
7.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
7.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
7.5	Bụi	Mẫu	7			
7.6	Tiếng ồn	Mẫu	7			
<b>8</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 11 (6 chỉ tiêu)</b>					
8.1	CO	Mẫu	7			
8.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
8.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
8.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
8.5	Bụi	Mẫu	7			
8.6	Tiếng ồn	Mẫu	7			
<b>9</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 12 (6 chỉ tiêu)</b>					

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
9.1	CO	Mẫu	7			
9.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
9.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
9.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
9.5	Bụi	Mẫu	7			
9.6	Tiếng ồn	Mẫu	7			
<b>10</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 1/2027 (6 chỉ tiêu)</b>					
10.1	CO	Mẫu	7			
10.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
10.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
10.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
10.5	Bụi	Mẫu	7			
10.6	Tiếng ồn	Mẫu	7			
<b>11</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 2/2027 (6 chỉ tiêu)</b>					
11.1	CO	Mẫu	7			
12.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
13.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
14.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
15.5	Bụi	Mẫu	7			
16.6	Tiếng ồn	Mẫu	7			
<b>12</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 3/2027(6 chỉ tiêu)</b>					
12.1	CO	Mẫu	7			
13.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
14.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
15.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7			
16.5	Bụi	Mẫu	7			
17.6	Tiếng ồn	Mẫu	7			
<b>II</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường nước thải các tháng từ Quý 2 /2026 đến các tháng Q1/2027</b>					
<b>1</b>	<b>Nước thải công nghiệp tháng 4(31 chỉ tiêu)</b>					
1.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
1.2	pH	Mẫu	2			
1.3	Màu	Mẫu	2			
1.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2			
1.5	COD	Mẫu	2			
1.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	2			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
1.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	2			
1.8	Cd	Mẫu	2			
1.9	As	Mẫu	2			
1.10	Hg	Mẫu	2			
1.11	Mn	Mẫu	2			
1.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	2			
1.13	Photpho tổng số	Mẫu	2			
1.14	Fe	Mẫu	2			
1.15	Amoniac	Mẫu	2			
1.16	Sunfua	Mẫu	2			
1.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	2			
1.18	Clo dư	Mẫu	2			
1.19	Nitrat	Mẫu	2			
1.20	Colifom	Mẫu	2			
1.21	Pb	Mẫu	2			
1.22	Zn	Mẫu	2			
1.23	Cu	Mẫu	2			
1.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	2			
1.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	2			
1.26	Ni	Mẫu	2			
1.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	2			
1.28	Phenol	Mẫu	2			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
1.29	Florua	Mẫu	2			
1.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$	Mẫu	2			
1.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$	Mẫu	2			
<b>2</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 4 (02 chỉ tiêu)</i></b>					
2.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
2.2	Clo dư	Mẫu	2			
<b>3</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 4 (16 chỉ tiêu)</i></b>					
3.1	pH	Mẫu	1			
3.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1			
3.3	COD	Mẫu	1			
3.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1			
3.5	Cd	Mẫu	1			
3.6	As	Mẫu	1			
3.7	Hg	Mẫu	1			
3.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1			
3.9	Sunfua	Mẫu	1			
3.10	Colifom	Mẫu	1			
3.11	Pb	Mẫu	1			
3.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )	Mẫu	1			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
3.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1			
3.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1			
3.15	Nitrat	Mẫu	1			
3.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1			
<b>4</b>	<b><i>Nước thải tháng công nghiệp tháng 5(31 chỉ tiêu)</i></b>					
4.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
4.2	pH	Mẫu	2			
4.3	Màu	Mẫu	2			
4.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2			
4.5	COD	Mẫu	2			
4.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	2			
4.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	2			
4.8	Cd	Mẫu	2			
4.9	As	Mẫu	2			
4.10	Hg	Mẫu	2			
4.11	Mn	Mẫu	2			
4.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	2			
4.13	Photpho tổng số	Mẫu	2			
4.14	Fe	Mẫu	2			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
4.15	Amoniac	Mẫu	2			
4.16	Sunfua	Mẫu	2			
4.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	2			
4.18	Clo dư	Mẫu	2			
4.19	Nitrat	Mẫu	2			
4.20	Colifom	Mẫu	2			
4.21	Pb	Mẫu	2			
4.22	Zn	Mẫu	2			
4.23	Cu	Mẫu	2			
4.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	2			
4.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	2			
4.26	Ni	Mẫu	2			
4.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	2			
4.28	Phenol	Mẫu	2			
4.29	Florua	Mẫu	2			
4.30	Tổng hoạt động phóng xạ α	Mẫu	2			
4.31	Tổng hoạt động phóng xạ β	Mẫu	2			
<b>5</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 5(02 chỉ tiêu)</i></b>					
5.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
5.2	Clo dư.	Mẫu	2			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
<b>6</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 5(16 chỉ tiêu)</i></b>					
6.1	pH	Mẫu	1			
6.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1			
6.3	COD	Mẫu	1			
6.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1			
6.5	Cd	Mẫu	1			
6.6	As	Mẫu	1			
6.7	Hg	Mẫu	1			
6.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1			
6.9	Sunfua	Mẫu	1			
6.10	Colifom	Mẫu	1			
6.11	Pb	Mẫu	1			
6.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )	Mẫu	1			
6.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1			
6.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1			
6.15	Nitrat	Mẫu	1			
6.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1			
<b>7</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp tháng 6 (31 chỉ tiêu)</i></b>					
7.1	Nhiệt độ	Mẫu	4			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
7.2	pH	Mẫu	4			
7.3	Màu	Mẫu	4			
7.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	4			
7.5	COD	Mẫu	4			
7.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	4			
7.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	4			
7.8	Cd	Mẫu	4			
7.9	As	Mẫu	4			
7.10	Hg	Mẫu	4			
7.11	Mn	Mẫu	4			
7.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	4			
7.13	Photpho tổng số	Mẫu	4			
7.14	Fe	Mẫu	4			
7.15	Amoniac	Mẫu	4			
7.16	Sulfua	Mẫu	4			
7.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	4			
7.18	Clo dư	Mẫu	4			
7.19	Nitrat	Mẫu	4			
7.20	Colifom	Mẫu	4			
7.21	Pb	Mẫu	4			
7.22	Zn	Mẫu	4			
7.23	Cu	Mẫu	4			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
7.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	4			
7.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	4			
7.26	Ni	Mẫu	4			
7.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	4			
7.28	Phenol	Mẫu	4			
7.29	Florua	Mẫu	4			
7.30	Tổng hoạt động phóng xạ α	Mẫu	4			
7.31	Tổng hoạt động phóng xạ β	Mẫu	4			
<b>8</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 6(02 chỉ tiêu)</i></b>					
8.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
8.2	Clo dư	Mẫu	2			
<b>9</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 6(16 chỉ tiêu)</i></b>					
9.1	pH	Mẫu	1			
9.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1			
9.3	COD	Mẫu	1			
9.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1			
9.5	Cd	Mẫu	1			
9.6	As	Mẫu	1			
9.7	Hg	Mẫu	1			
9.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
9.9	Sunfua	Mẫu	1			
9.10	Colifom	Mẫu	1			
9.11	Pb	Mẫu	1			
9.12	Photphat ( $PO^3_4$ )	Mẫu	1			
9.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1			
9.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1			
9.15	Nitrat	Mẫu	1			
9.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1			
<b>10</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp tháng 7 (31 chỉ tiêu)</i></b>					
10.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
10.2	pH	Mẫu	2			
10.3	Màu	Mẫu	2			
10.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2			
10.5	COD	Mẫu	2			
10.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	2			
10.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	2			
10.8	Cd	Mẫu	2			
10.9	As	Mẫu	2			
10.10	Hg	Mẫu	2			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
10.11	Mn	Mẫu	2			
10.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	2			
10.13	Photpho tổng số	Mẫu	2			
10.14	Fe	Mẫu	2			
10.15	Amoniac	Mẫu	2			
10.16	Sunfua	Mẫu	2			
10.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	2			
10.18	Clo dư	Mẫu	2			
10.19	Nitrat	Mẫu	2			
10.20	Colifom	Mẫu	2			
10.21	Pb	Mẫu	2			
10.22	Zn	Mẫu	2			
10.23	Cu	Mẫu	2			
10.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	2			
10.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	2			
10.26	Ni	Mẫu	2			
10.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	2			
10.28	Phenol	Mẫu	2			
10.29	Florua	Mẫu	2			
10.30	Tổng hoạt động phóng xạ α	Mẫu	2			
10.31	Tổng hoạt động phóng xạ β	Mẫu	2			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
<b>11</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 7 (02 chỉ tiêu)</i></b>					
11.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
11.2	Clo dư	Mẫu	2			
<b>12</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 7 (16 chỉ tiêu)</i></b>					
12.1	pH	Mẫu	1			
12.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1			
12.3	COD	Mẫu	1			
12.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1			
12.5	Cd	Mẫu	1			
12.6	As	Mẫu	1			
12.7	Hg	Mẫu	1			
12.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1			
12.9	Sunfua	Mẫu	1			
12.10	Colifom	Mẫu	1			
12.11	Pb	Mẫu	1			
12.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )	Mẫu	1			
12.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1			
12.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1			
12.15	Nitrat	Mẫu	1			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
12.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1			
<b>13</b>	<b><i>Nước thải tháng công nghiệp tháng 8(31 chỉ tiêu)</i></b>					
131	Nhiệt độ	Mẫu	2			
13.2	pH	Mẫu	2			
13.3	Màu	Mẫu	2			
13.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2			
13.5	COD	Mẫu	2			
13.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	2			
13.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	2			
13.8	Cd	Mẫu	2			
13.9	As	Mẫu	2			
13.10	Hg	Mẫu	2			
13.11	Mn	Mẫu	2			
13.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	2			
13.13	Photpho tổng số	Mẫu	2			
13.14	Fe	Mẫu	2			
13.15	Amoniac	Mẫu	2			
13.16	Sunfua	Mẫu	2			
13.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	2			
13.18	Clo dư	Mẫu	2			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
13.19	Nitrat	Mẫu	2			
13.20	Colifom	Mẫu	2			
13.21	Pb	Mẫu	2			
13.22	Zn	Mẫu	2			
13.23	Cu	Mẫu	2			
13.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	2			
13.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	2			
13.26	Ni	Mẫu	2			
13.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	2			
13.28	Phenol	Mẫu	2			
13.29	Florua	Mẫu	2			
13.30	Tổng hoạt động phóng xạ α	Mẫu	2			
13.31	Tổng hoạt động phóng xạ β	Mẫu	2			
<b>14</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 8(02 chỉ tiêu)</i></b>					
14.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
14.2	Clo dư.	Mẫu	2			
<b>15</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 8(16 chỉ tiêu)</i></b>					
15.1	pH	Mẫu	1			
15.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1			
15.3	COD	Mẫu	1			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
15.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1			
15.5	Cd	Mẫu	1			
15.6	As	Mẫu	1			
15.7	Hg	Mẫu	1			
15.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1			
15.9	Sunfua	Mẫu	1			
15.10	Colifom	Mẫu	1			
15.11	Pb	Mẫu	1			
15.12	Photphat ( $PO^3_4$ )	Mẫu	1			
15.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1			
15.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1			
15.15	Nitrat	Mẫu	1			
15.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1			
<b>16</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp tháng 9 (31 chỉ tiêu)</i></b>					
16.1	Nhiệt độ	Mẫu	4			
16.2	pH	Mẫu	4			
16.3	Màu	Mẫu	4			
16.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	4			
16.5	COD	Mẫu	4			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
16.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	4			
16.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	4			
16.8	Cd	Mẫu	4			
16.9	As	Mẫu	4			
16.10	Hg	Mẫu	4			
16.11	Mn	Mẫu	4			
16.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	4			
16.13	Photpho tổng số	Mẫu	4			
16.14	Fe	Mẫu	4			
16.15	Amoniac	Mẫu	4			
16.16	Sulfua	Mẫu	4			
16.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	4			
16.18	Clo dư	Mẫu	4			
16.19	Nitrat	Mẫu	4			
16.20	Colifom	Mẫu	4			
16.21	Pb	Mẫu	4			
16.22	Zn	Mẫu	4			
16.23	Cu	Mẫu	4			
16.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	4			
16.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	4			
16.26	Ni	Mẫu	4			
16.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	4			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
16.28	Phenol	Mẫu	4			
16.29	Florua	Mẫu	4			
13.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$	Mẫu	4			
16.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$	Mẫu	4			
<b>17</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 9(02 chỉ tiêu)</i></b>					
17.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
17.2	Clo dư	Mẫu	2			
<b>18</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 9(16 chỉ tiêu)</i></b>					
18.1	pH	Mẫu	1			
18.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1			
18.3	COD	Mẫu	1			
18.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1			
18.5	Cd	Mẫu	1			
18.6	As	Mẫu	1			
18.7	Hg	Mẫu	1			
18.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1			
18.9	Sunfua	Mẫu	1			
18.10	Colifom	Mẫu	1			
18.11	Pb	Mẫu	1			
18.12	Photphat (PO <sup>3-4</sup> )	Mẫu	1			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
18.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1			
18.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1			
18.15	Nitrat	Mẫu	1			
18.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1			
<b>19</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp tháng 10 (31 chỉ tiêu)</i></b>					
19.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
19.2	pH	Mẫu	2			
19.3	Màu	Mẫu	2			
19.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2			
19.5	COD	Mẫu	2			
19.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	2			
19.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	2			
19.8	Cd	Mẫu	2			
19.9	As	Mẫu	2			
19.10	Hg	Mẫu	2			
19.11	Mn	Mẫu	2			
19.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	2			
19.13	Photpho tổng số	Mẫu	2			
19.14	Fe	Mẫu	2			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
19.15	Amoniac	Mẫu	2			
19.16	Sunfua	Mẫu	2			
19.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	2			
19.18	Clo dư	Mẫu	2			
19.19	Nitrat	Mẫu	2			
19.20	Colifom	Mẫu	2			
19.21	Pb	Mẫu	2			
19.22	Zn	Mẫu	2			
19.23	Cu	Mẫu	2			
19.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	2			
19.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	2			
19.26	Ni	Mẫu	2			
19.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	2			
19.28	Phenol	Mẫu	2			
19.29	Florua	Mẫu	2			
19.30	Tổng hoạt động phóng xạ α	Mẫu	2			
19.31	Tổng hoạt động phóng xạ β	Mẫu	2			
<b>20</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 10 (02 chỉ tiêu)</i></b>					
20.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
20.2	Clo dư	Mẫu	2			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
<b>21</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 10 (16 chỉ tiêu)</i></b>					
21.1	pH	Mẫu	1			
21.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1			
21.3	COD	Mẫu	1			
21.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1			
21.5	Cd	Mẫu	1			
21.6	As	Mẫu	1			
21.7	Hg	Mẫu	1			
21.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1			
21.9	Sunfua	Mẫu	1			
21.10	Colifom	Mẫu	1			
21.11	Pb	Mẫu	1			
21.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )	Mẫu	1			
21.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1			
21.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1			
21.15	Nitrat	Mẫu	1			
21.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1			
<b>22</b>	<b><i>Nước thải tháng công nghiệp tháng 11 (31 chỉ tiêu)</i></b>					

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
22.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
22.2	pH	Mẫu	2			
22.3	Màu	Mẫu	2			
22.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2			
22.5	COD	Mẫu	2			
22.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	2			
22.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	2			
22.8	Cd	Mẫu	2			
22.9	As	Mẫu	2			
22.10	Hg	Mẫu	2			
22.11	Mn	Mẫu	2			
22.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	2			
22.13	Photpho tổng số	Mẫu	2			
22.14	Fe	Mẫu	2			
22.15	Amoniac	Mẫu	2			
22.16	Sunfua	Mẫu	2			
22.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	2			
22.18	Clo dư	Mẫu	2			
22.19	Nitrat	Mẫu	2			
22.20	Colifom	Mẫu	2			
22.21	Pb	Mẫu	2			
22.22	Zn	Mẫu	2			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
22.23	Cu	Mẫu	2			
22.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	2			
22.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	2			
22.26	Ni	Mẫu	2			
22.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	2			
22.28	Phenol	Mẫu	2			
22.29	Florua	Mẫu	2			
22.30	Tổng hoạt động phóng xạ α	Mẫu	2			
22.31	Tổng hoạt động phóng xạ β	Mẫu	2			
<b>23</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 11(02 chỉ tiêu)</i></b>					
23.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
23.2	Clo dư	Mẫu	2			
<b>24</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 11 (16 chỉ tiêu)</i></b>					
24.1	pH	Mẫu	1			
24.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1			
24.3	COD	Mẫu	1			
24.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1			
24.5	Cd	Mẫu	1			
24.6	As	Mẫu	1			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
24.7	Hg	Mẫu	1			
24.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1			
24.9	Sunfua	Mẫu	1			
24.10	Colifom	Mẫu	1			
24.11	Pb	Mẫu	1			
24.12	Photphat ( $PO^3_4$ )	Mẫu	1			
15.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1			
24.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1			
24.15	Nitrat	Mẫu	1			
24.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1			
<b>25</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp tháng 12 (31 chỉ tiêu)</i></b>					
25.1	Nhiệt độ	Mẫu	4			
25.2	pH	Mẫu	4			
25.3	Màu	Mẫu	4			
25.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	4			
25.5	COD	Mẫu	4			
25.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	4			
25.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	4			
25.8	Cd	Mẫu	4			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
25.9	As	Mẫu	4			
25.10	Hg	Mẫu	4			
25.11	Mn	Mẫu	4			
25.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	4			
25.13	Photpho tổng số	Mẫu	4			
25.14	Fe	Mẫu	4			
25.15	Amoniac	Mẫu	4			
25.16	Sulfua	Mẫu	4			
25.17	Ni tự tổng số	Mẫu	4			
25.18	Clo dư	Mẫu	4			
25.19	Nitrat	Mẫu	4			
25.20	Colifom	Mẫu	4			
25.21	Pb	Mẫu	4			
25.22	Zn	Mẫu	4			
25.23	Cu	Mẫu	4			
25.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	4			
25.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	4			
25.26	Ni	Mẫu	4			
25.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	4			
25.28	Phenol	Mẫu	4			
25.29	Florua	Mẫu	4			
25.30	Tổng hoạt động phóng xạ α	Mẫu	4			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
25.31	Tổng hoạt động phóng xạ β	Mẫu	4			
<b>26</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 12(02 chỉ tiêu)</i></b>					
26.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
26.2	Clo dư	Mẫu	2			
<b>27</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 12(16 chỉ tiêu)</i></b>					
27.1	pH	Mẫu	1			
27.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1			
27.3	COD	Mẫu	1			
27.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1			
27.5	Cd	Mẫu	1			
27.6	As	Mẫu	1			
27.7	Hg	Mẫu	1			
27.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1			
27.9	Sunfua	Mẫu	1			
27.10	Colifom	Mẫu	1			
27.11	Pb	Mẫu	1			
27.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )	Mẫu	1			
27.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
27.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1			
27.15	Nitrat	Mẫu	1			
27.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1			
<b>28</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp tháng 1/2027 (31 chỉ tiêu)</i></b>					
28.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
28.2	pH	Mẫu	2			
28.3	Màu	Mẫu	2			
28.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2			
28.5	COD	Mẫu	2			
28.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	2			
28.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	2			
28.8	Cd	Mẫu	2			
28.9	As	Mẫu	2			
28.10	Hg	Mẫu	2			
28.11	Mn	Mẫu	2			
28.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	2			
28.13	Photpho tổng số	Mẫu	2			
28.14	Fe	Mẫu	2			
28.15	Amoniac	Mẫu	2			
28.16	Sunfua	Mẫu	2			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
28.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	2			
28.18	Clo dư	Mẫu	2			
28.19	Nitrat	Mẫu	2			
28.20	Colifom	Mẫu	2			
28.21	Pb	Mẫu	2			
28.22	Zn	Mẫu	2			
28.23	Cu	Mẫu	2			
28.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	2			
28.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	2			
28.26	Ni	Mẫu	2			
28.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	2			
28.28	Phenol	Mẫu	2			
28.29	Florua	Mẫu	2			
28.30	Tổng hoạt động phóng xạ α	Mẫu	2			
28.31	Tổng hoạt động phóng xạ β	Mẫu	2			
<b>29</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 1/2027 (02 chỉ tiêu)</i></b>					
29.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
29.2	Clo dư	Mẫu	2			
<b>30</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 1/2027 (16 chỉ tiêu)</i></b>					

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
30.1	pH	Mẫu	1			
30.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1			
30.3	COD	Mẫu	1			
30.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1			
30.5	Cd	Mẫu	1			
30.6	As	Mẫu	1			
30.7	Hg	Mẫu	1			
30.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1			
30.9	Sunfua	Mẫu	1			
30.10	Colifom	Mẫu	1			
30.11	Pb	Mẫu	1			
30.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )	Mẫu	1			
30.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1			
30.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1			
30.15	Nitrat	Mẫu	1			
30.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1			
<b>31</b>	<b><i>Nước thải tháng công nghiệp tháng 2/2027 (31 chỉ tiêu)</i></b>					
31.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
31.2	pH	Mẫu	2			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
31.3	Màu	Mẫu	2			
31.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2			
31.5	COD	Mẫu	2			
31.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	2			
31.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	2			
31.8	Cd	Mẫu	2			
31.9	As	Mẫu	2			
31.10	Hg	Mẫu	2			
31.11	Mn	Mẫu	2			
31.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	2			
31.13	Photpho tổng số	Mẫu	2			
31.14	Fe	Mẫu	2			
31.15	Amoniac	Mẫu	2			
31.16	Sunfua	Mẫu	2			
31.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	2			
31.18	Clo dư	Mẫu	2			
31.19	Nitrat	Mẫu	2			
31.20	Colifom	Mẫu	2			
31.21	Pb	Mẫu	2			
31.22	Zn	Mẫu	2			
31.23	Cu	Mẫu	2			
31.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	2			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
31.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	2			
31.26	Ni	Mẫu	2			
31.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	2			
31.28	Phenol	Mẫu	2			
31.29	Florua	Mẫu	2			
31.30	Tổng hoạt động phóng xạ α	Mẫu	2			
31.31	Tổng hoạt động phóng xạ β	Mẫu	2			
<b>32</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 2/2027(02 chỉ tiêu)</i></b>					
32.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
32.2	Clo dư	Mẫu	2			
<b>33</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 2/2027 (16 chỉ tiêu)</i></b>					
33.1	pH	Mẫu	1			
33.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1			
33.3	COD	Mẫu	1			
33.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1			
33.5	Cd	Mẫu	1			
33.6	As	Mẫu	1			
33.7	Hg	Mẫu	1			
33.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
33.9	Sunfua	Mẫu	1			
33.10	Colifom	Mẫu	1			
33.11	Pb	Mẫu	1			
33.12	Photphat ( $PO^3_4$ )	Mẫu	1			
33.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1			
33.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1			
33.15	Nitrat	Mẫu	1			
33.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1			
<b>34</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp tháng 3/2027 (31 chỉ tiêu)</i></b>					
34.1	Nhiệt độ	Mẫu	4			
34.2	pH	Mẫu	4			
34.3	Màu	Mẫu	4			
34.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	4			
34.5	COD	Mẫu	4			
34.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	4			
34.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	4			
34.8	Cd	Mẫu	4			
34.9	As	Mẫu	4			
34.10	Hg	Mẫu	4			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
34.11	Mn	Mẫu	4			
34.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	4			
34.13	Photpho tổng số	Mẫu	4			
34.14	Fe	Mẫu	4			
34.15	Amoniac	Mẫu	4			
34.16	Sunfua	Mẫu	4			
34.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	4			
34.18	Clo dư	Mẫu	4			
34.19	Nitrat	Mẫu	4			
34.20	Colifom	Mẫu	4			
34.21	Pb	Mẫu	4			
34.22	Zn	Mẫu	4			
34.23	Cu	Mẫu	4			
34.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	4			
34.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	4			
34.26	Ni	Mẫu	4			
34.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	4			
34.28	Phenol	Mẫu	4			
34.29	Florua	Mẫu	4			
34.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$	Mẫu	4			
34.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$	Mẫu	4			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
35	<i>Nước thải làm mát tháng 3/2027(02 chỉ tiêu)</i>					
35.1	Nhiệt độ	Mẫu	2			
35.2	Clo dư	Mẫu	2			
36	<i>Nước thải sinh hoạt tháng 3/2027(16 chỉ tiêu)</i>					
36.1	pH	Mẫu	1			
36.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1			
36.3	COD	Mẫu	1			
36.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1			
36.5	Cd	Mẫu	1			
36.6	As	Mẫu	1			
36.7	Hg	Mẫu	1			
36.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1			
36.9	Sunfua	Mẫu	1			
36.10	Colifom	Mẫu	1			
36.11	Pb	Mẫu	1			
36.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )	Mẫu	1			
36.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1			
36.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1			
36.15	Nitrat	Mẫu	1			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
36.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1			
<b>III</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường nước mặt các tháng từ Quý 2 /2026 đến các tháng Q1/2027</b>					
<i>1</i>	<i>Nước mặt tháng 4(25 chỉ tiêu)</i>					
1.1	pH	Mẫu	7			
1.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7			
1.3	COD	Mẫu	7			
1.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7			
1.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7			
1.6	Amoni	Mẫu	7			
1.7	Clorua	Mẫu	7			
1.8	Florua	Mẫu	7			
1.9	Nitrat	Mẫu	7			
1.10	Nitrit	Mẫu	7			
1.11	Photphat	Mẫu	7			
1.12	Xianua	Mẫu	7			
1.13	Zn	Mẫu	7			
1.14	Mn	Mẫu	7			
1.15	Fe	Mẫu	7			
1.16	Cu	Mẫu	7			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
1.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7			
1.18	Colifom	Mẫu	7			
1.19	Cd	Mẫu	7			
1.20	Tổng Cr	Mẫu	7			
1.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7			
1.22	Ni	Mẫu	7			
1.23	As	Mẫu	7			
1.24	Hg	Mẫu	7			
1.25	Pb	Mẫu	7			
<b>2</b>	<b><i>Nước mặt tháng 5(25 chỉ tiêu)</i></b>					
2.1	pH	Mẫu	7			
2.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7			
2.3	COD	Mẫu	7			
2.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7			
2.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7			
2.6	Amoni	Mẫu	7			
2.7	Clorua	Mẫu	7			
2.8	Florua	Mẫu	7			
2.9	Nitrat	Mẫu	7			
2.10	Nitrit	Mẫu	7			
2.11	Photphat	Mẫu	7			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
2.12	Xianua	Mẫu	7			
2.13	Zn	Mẫu	7			
2.14	Mn	Mẫu	7			
2.15	Fe	Mẫu	7			
2.16	Cu	Mẫu	7			
2.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7			
2.18	Colifom	Mẫu	7			
2.19	Cd	Mẫu	7			
2.20	Tổng Cr	Mẫu	7			
2.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7			
2.22	Ni	Mẫu	7			
2.23	As	Mẫu	7			
2.24	Hg	Mẫu	7			
2.25	Pb	Mẫu	7			
<b>3</b>	<b><i>Nước mặt tháng 6(25 chỉ tiêu)</i></b>					
3.1	pH	Mẫu	7			
3.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7			
3.3	COD	Mẫu	7			
3.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7			
3.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7			
3.6	Amoni	Mẫu	7			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
3.7	Clorua	Mẫu	7			
3.8	Florua	Mẫu	7			
3.9	Nitrat	Mẫu	7			
3.10	Nitrit	Mẫu	7			
3.11	Photphat	Mẫu	7			
3.12	Xianua	Mẫu	7			
3.13	Zn	Mẫu	7			
3.14	Mn	Mẫu	7			
3.15	Fe	Mẫu	7			
3.16	Cu	Mẫu	7			
3.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7			
3.18	Colifom	Mẫu	7			
3.19	Cd	Mẫu	7			
3.20	Tổng Cr	Mẫu	7			
3.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7			
3.22	Ni	Mẫu	7			
3.23	As	Mẫu	7			
3.24	Hg	Mẫu	7			
3.25	Pb	Mẫu	7			
<b>4</b>	<b>Nước mặt tháng 7(25 chỉ tiêu)</b>					
4.1	pH	Mẫu	7			
4.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
4.3	COD	Mẫu	7			
4.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7			
4.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7			
4.6	Amoni	Mẫu	7			
4.7	Clorua	Mẫu	7			
4.8	Florua	Mẫu	7			
4.9	Nitrat	Mẫu	7			
4.10	Nitrit	Mẫu	7			
4.11	Photphat	Mẫu	7			
4.12	Xianua	Mẫu	7			
4.13	Zn	Mẫu	7			
4.14	Mn	Mẫu	7			
4.15	Fe	Mẫu	7			
4.16	Cu	Mẫu	7			
4.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7			
4.18	Colifom	Mẫu	7			
4.19	Cd	Mẫu	7			
4.20	Tổng Cr	Mẫu	7			
4.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7			
4.22	Ni	Mẫu	7			
4.23	As	Mẫu	7			
4.24	Hg	Mẫu	7			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
4.25	Pb	Mẫu	7			
5	<i>Nước mặt tháng 8(25 chỉ tiêu)</i>					
5.1	pH	Mẫu	7			
5.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7			
5.3	COD	Mẫu	7			
5.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7			
5.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7			
5.6	Amoni	Mẫu	7			
5.7	Clorua	Mẫu	7			
5.8	Florua	Mẫu	7			
5.9	Nitrat	Mẫu	7			
5.10	Nitrit	Mẫu	7			
5.11	Photphat	Mẫu	7			
5.12	Xianua	Mẫu	7			
5.13	Zn	Mẫu	7			
5.14	Mn	Mẫu	7			
5.15	Fe	Mẫu	7			
5.16	Cu	Mẫu	7			
5.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7			
5.18	Colifom	Mẫu	7			
5.19	Cd	Mẫu	7			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
5.20	Tổng Cr	Mẫu	7			
5.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7			
5.22	Ni	Mẫu	7			
5.23	As	Mẫu	7			
5.24	Hg	Mẫu	7			
5.25	Pb	Mẫu	7			
<b>6</b>	<b><i>Nước mặt tháng 9(25 chỉ tiêu)</i></b>					
6.1	pH	Mẫu	7			
6.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7			
6.3	COD	Mẫu	7			
6.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7			
6.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7			
6.6	Amoni	Mẫu	7			
6.7	Clorua	Mẫu	7			
6.8	Florua	Mẫu	7			
6.9	Nitrat	Mẫu	7			
6.10	Nitrit	Mẫu	7			
6.11	Photphat	Mẫu	7			
6.12	Xianua	Mẫu	7			
6.13	Zn	Mẫu	7			
6.14	Mn	Mẫu	7			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
6.15	Fe	Mẫu	7			
6.16	Cu	Mẫu	7			
6.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7			
6.18	Colifom	Mẫu	7			
6.19	Cd	Mẫu	7			
6.20	Tổng Cr	Mẫu	7			
6.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7			
6.22	Ni	Mẫu	7			
6.23	As	Mẫu	7			
6.24	Hg	Mẫu	7			
6.25	Pb	Mẫu	7			
<b>7</b>	<b><i>Nước mặt tháng 10(25 chỉ tiêu)</i></b>					
7.1	pH	Mẫu	7			
7.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7			
7.3	COD	Mẫu	7			
7.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7			
7.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7			
7.6	Amoni	Mẫu	7			
7.7	Clorua	Mẫu	7			
7.8	Florua	Mẫu	7			
7.9	Nitrat	Mẫu	7			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
7.10	Nitrit	Mẫu	7			
7.11	Photphat	Mẫu	7			
7.12	Xianua	Mẫu	7			
7.13	Zn	Mẫu	7			
7.14	Mn	Mẫu	7			
7.15	Fe	Mẫu	7			
7.16	Cu	Mẫu	7			
7.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7			
7.18	Colifom	Mẫu	7			
7.19	Cd	Mẫu	7			
7.20	Tổng Cr	Mẫu	7			
7.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7			
7.22	Ni	Mẫu	7			
7.23	As	Mẫu	7			
7.24	Hg	Mẫu	7			
7.25	Pb	Mẫu	7			
<b>8</b>	<b><i>Nước mặt tháng 11(25 chỉ tiêu)</i></b>					
8.1	pH	Mẫu	7			
8.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7			
8.3	COD	Mẫu	7			
8.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
8.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7			
8.6	Amoni	Mẫu	7			
8.7	Clorua	Mẫu	7			
8.8	Florua	Mẫu	7			
8.9	Nitrat	Mẫu	7			
8.10	Nitrit	Mẫu	7			
8.11	Photphat	Mẫu	7			
8.12	Xianua	Mẫu	7			
8.13	Zn	Mẫu	7			
8.14	Mn	Mẫu	7			
8.15	Fe	Mẫu	7			
8.16	Cu	Mẫu	7			
8.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7			
8.18	Colifom	Mẫu	7			
8.19	Cd	Mẫu	7			
8.20	Tổng Cr	Mẫu	7			
8.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7			
8.22	Ni	Mẫu	7			
8.23	As	Mẫu	7			
8.24	Hg	Mẫu	7			
8.25	Pb	Mẫu	7			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
<b>9</b>	<b><i>Nước mặt tháng 12(25 chỉ tiêu)</i></b>					
9.1	pH	Mẫu	7			
9.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7			
9.3	COD	Mẫu	7			
9.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7			
9.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7			
9.6	Amoni	Mẫu	7			
9.7	Clorua	Mẫu	7			
9.8	Florua	Mẫu	7			
9.9	Nitrat	Mẫu	7			
9.10	Nitrit	Mẫu	7			
9.11	Photphat	Mẫu	7			
9.12	Xianua	Mẫu	7			
9.13	Zn	Mẫu	7			
9.14	Mn	Mẫu	7			
9.15	Fe	Mẫu	7			
9.16	Cu	Mẫu	7			
9.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7			
9.18	Colifom	Mẫu	7			
9.19	Cd	Mẫu	7			
9.20	Tổng Cr	Mẫu	7			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
9.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7			
9.22	Ni	Mẫu	7			
9.23	As	Mẫu	7			
9.24	Hg	Mẫu	7			
9.25	Pb	Mẫu	7			
<b>10</b>	<b><i>Nước mặt tháng 1/2027(25 chỉ tiêu)</i></b>					
10.1	pH	Mẫu	7			
10.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7			
10.3	COD	Mẫu	7			
10.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7			
10.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7			
10.6	Amoni	Mẫu	7			
10.7	Clorua	Mẫu	7			
10.8	Florua	Mẫu	7			
10.9	Nitrat	Mẫu	7			
10.10	Nitrit	Mẫu	7			
10.11	Photphat	Mẫu	7			
10.12	Xianua	Mẫu	7			
10.13	Zn	Mẫu	7			
10.14	Mn	Mẫu	7			
10.15	Fe	Mẫu	7			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
10.16	Cu	Mẫu	7			
10.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7			
10.18	Colifom	Mẫu	7			
10.19	Cd	Mẫu	7			
10.20	Tổng Cr	Mẫu	7			
10.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7			
10.22	Ni	Mẫu	7			
10.23	As	Mẫu	7			
10.24	Hg	Mẫu	7			
10.25	Pb	Mẫu	7			
<b>11</b>	<b><i>Nước mặt tháng 2/2027(25 chỉ tiêu)</i></b>					
11.1	pH	Mẫu	7			
11.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7			
11.3	COD	Mẫu	7			
11.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7			
11.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7			
11.6	Amoni	Mẫu	7			
11.7	Clorua	Mẫu	7			
11.8	Florua	Mẫu	7			
11.9	Nitrat	Mẫu	7			
11.10	Nitrit	Mẫu	7			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
11.11	Photphat	Mẫu	7			
11.12	Xianua	Mẫu	7			
11.13	Zn	Mẫu	7			
11.14	Mn	Mẫu	7			
11.15	Fe	Mẫu	7			
11.16	Cu	Mẫu	7			
11.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7			
11.18	Colifom	Mẫu	7			
11.19	Cd	Mẫu	7			
11.20	Tổng Cr	Mẫu	7			
11.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7			
11.22	Ni	Mẫu	7			
11.23	As	Mẫu	7			
11.24	Hg	Mẫu	7			
11.25	Pb	Mẫu	7			
<b>12</b>	<b><i>Nước mặt tháng 3/2027(25 chỉ tiêu)</i></b>					
12.1	pH	Mẫu	7			
12.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7			
12.3	COD	Mẫu	7			
12.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7			
12.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
12.6	Amoni	Mẫu	7			
12.7	Clorua	Mẫu	7			
12.8	Florua	Mẫu	7			
12.9	Nitrat	Mẫu	7			
12.10	Nitrit	Mẫu	7			
12.11	Photphat	Mẫu	7			
12.12	Xianua	Mẫu	7			
12.13	Zn	Mẫu	7			
12.14	Mn	Mẫu	7			
12.15	Fe	Mẫu	7			
12.16	Cu	Mẫu	7			
12.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7			
12.18	Colifom	Mẫu	7			
12.19	Cd	Mẫu	7			
12.20	Tổng Cr	Mẫu	7			
12.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7			
12.22	Ni	Mẫu	7			
12.23	As	Mẫu	7			
12.24	Hg	Mẫu	7			
12.25	Pb	Mẫu	7			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
IV	Phân tích chất lượng môi trường khí thải công nghiệp tháng 6/2026, tháng 9/2026, tháng 12/2026 và tháng 3/2027					
1	Phân tích chất lượng môi trường khí thải công nghiệp theo quy định tháng 6 (9 chỉ tiêu)					
1.1	SO <sub>2</sub>	Mẫu	9			
1.2	NO <sub>x</sub>	Mẫu	9			
1.3	Bụi tổng	Mẫu	9			
1.4	Lưu lượng	Mẫu	9			
1.5	Nhiệt độ	Mẫu	9			
1.6	O <sub>2</sub>	Mẫu	9			
1.7	CO	Mẫu	9			
1.8	CO <sub>2</sub>	Mẫu	9			
1.9	Áp suất	Mẫu	9			
2	Phân tích chất lượng môi trường khí thải công nghiệp theo quy định tháng 9 (9 chỉ tiêu)					
2.1	SO <sub>2</sub>	Mẫu	9			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
2.2	NO <sub>x</sub>	Mẫu	9			
2.3	Bụi tổng	Mẫu	9			
2.4	Lưu lượng	Mẫu	9			
2.5	Nhiệt độ	Mẫu	9			
2.6	O <sub>2</sub>	Mẫu	9			
2.7	CO	Mẫu	9			
2.8	CO <sub>2</sub>	Mẫu	9			
2.9	Áp suất	Mẫu	9			
<b>3</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường khí thải công nghiệp theo quy định tháng 12 (9 chỉ tiêu)</b>					
3.1	SO <sub>2</sub>	Mẫu	9			
3.2	NO <sub>x</sub>	Mẫu	9			
3.3	Bụi tổng	Mẫu	9			
3.4	Lưu lượng	Mẫu	9			
3.5	Nhiệt độ	Mẫu	9			
3.6	O <sub>2</sub>	Mẫu	9			
3.7	CO	Mẫu	9			
3.8	CO <sub>2</sub>	Mẫu	9			
3.9	Áp suất	Mẫu	9			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
<b>4</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường khí thải công nghiệp theo quy định tháng 3/2027 (9 chỉ tiêu)</b>					
4.1	SO <sub>2</sub>	Mẫu	9			
4.2	NO <sub>x</sub>	Mẫu	9			
4.3	Bụi tổng	Mẫu	9			
4.4	Lưu lượng	Mẫu	9			
4.5	Nhiệt độ	Mẫu	9			
4.6	O <sub>2</sub>	Mẫu	9			
4.7	CO	Mẫu	9			
4.8	CO <sub>2</sub>	Mẫu	9			
4.9	Áp suất	Mẫu	9			
<b>V</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường đất tháng 6/2026, tháng 9/2026, tháng 12/2026 và tháng 3/2027</b>					
<b>1</b>	<b>Chất lượng đất tháng 6 (8 chỉ tiêu)</b>					
1.1	pH	Mẫu	4			
1.2	Tổng Nito - $\Sigma N$	Mẫu	4			
1.3	Tổng Photpho- $\Sigma P$	Mẫu	4			
1.4	Sắt – Fe	Mẫu	4			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
1.5	Chì – Pb	Mẫu	4			
1.6	Kẽm – Zn	Mẫu	4			
1.7	Đồng – Cu	Mẫu	4			
1.8	Crom - Cr	Mẫu	4			
<b>2</b>	<b>Chất lượng đất tháng 9 (8 chỉ tiêu)</b>					
2.1	pH	Mẫu	4			
2.2	Tổng Nito - $\sum N$	Mẫu	4			
2.3	Tổng Photpho- $\sum P$	Mẫu	4			
2.4	Sắt – Fe	Mẫu	4			
2.5	Chì – Pb	Mẫu	4			
2.6	Kẽm – Zn	Mẫu	4			
2.7	Đồng – Cu	Mẫu	4			
2.8	Crom - Cr	Mẫu	4			
<b>3</b>	<b>Chất lượng đất tháng 12(8 chỉ tiêu)</b>					
3.1	pH	Mẫu	4			
3.2	Tổng Nito - $\sum N$	Mẫu	4			
3.3	Tổng Photpho- $\sum P$	Mẫu	4			
3.4	Sắt – Fe	Mẫu	4			
3.5	Chì – Pb	Mẫu	4			
3.6	Kẽm – Zn	Mẫu	4			
3.7	Đồng – Cu	Mẫu	4			

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
3.8	Crom - Cr	Mẫu	4			
<b>3</b>	<b>Chất lượng đất tháng 3/2027 (8 chỉ tiêu)</b>					
4.1	pH	Mẫu	4			
4.2	Tổng Nito - $\sum N$	Mẫu	4			
4.3	Tổng Photpho- $\sum P$	Mẫu	4			
4.4	Sắt – Fe	Mẫu	4			
4.5	Chì – Pb	Mẫu	4			
4.6	Kẽm – Zn	Mẫu	4			
4.7	Đồng – Cu	Mẫu	4			
4.8	Crom - Cr	Mẫu	4			

#### **1.4. Thông số thiết kế cơ bản, tình trạng kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật:**

- Nội dung chi tiết về “Thông số thiết kế cơ bản, Tình trạng kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật” xem Khoản 2.4 Mục 2 Chương này;

- Nhà thầu cần khảo sát thực tế để xây dựng phương án cụ thể trong E-HSDT.

### **Mục 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **2.1. Yêu cầu về cung cấp dịch vụ**

##### **2.1.1. Yêu cầu chung:**

- Căn cứ yêu cầu E-HSMT, nhà thầu thực hiện khảo sát và lập phương án, kế hoạch tổ chức thực hiện, trên cơ sở khối lượng kèm theo HSMT của bên mời thầu bao gồm:

+ Khảo sát hiện trường.

+ Lập phương án kỹ thuật, kế hoạch triển khai, các giải pháp đảm bảo chất lượng, tiến độ, biện pháp an toàn phù hợp với nội dung công việc.

+ Các nội dung phát sinh (nếu có) phải được lập biên bản xác định khối lượng phát sinh trước khi thực hiện. Hai bên sẽ thoả thuận ký hợp đồng riêng theo quy định.

##### **2.1.2. Mục tiêu:**

- Kiểm tra, đánh giá tác động của quá trình sản xuất của Công ty đến môi trường nước, không khí và môi trường đất tại địa bàn quanh khu vực Công ty;
- Qua khảo sát biết được mức độ ảnh hưởng của quá trình sản xuất có tác động đến môi trường từ đó có biện pháp khắc phục phòng ngừa;

### **2.1.2.1. Các phương án chính trong trong khảo sát, giám sát môi trường.**

#### **a) Nước thải.**

**a.1) Phân tích môi trường nước thải tháng 4,5,7,8,10,11 năm 2026; tháng 1,2 năm 2027.**

##### **a. 1.1. Công tác lấy mẫu nước thải.**

Thực hiện lấy 05 mẫu.

##### **● Các vị trí lấy mẫu:**

+ Nước thải dây chuyền 1: lấy 03 điểm mẫu:

- Nước thải nhiễm dầu lấy 01 điểm dây chuyền 1 ra sông Thương tọa độ X=2336671; Y=582907.

- Nước thải sinh hoạt lấy 01 điểm DC1 ra kênh tiêu Phao Tân –An Bài tọa độ X=2335408; Y=586558.

- Hạ lưu cửa xả ra sông Thái Bình DC1 tọa độ X=2334999; Y=582479

+ Nước thải dây chuyền 2: lấy 02 điểm mẫu:

- Nước thải từ khu vực xử lý nước thải dây chuyền 2: lấy 01 điểm tại bể chứa nước sau khi đã xử lý.

- Hạ lưu cửa xả ra sông Thương DC2 tọa độ X=2338082; Y=584628

##### **a.1.2.. Các thông số phân tích giám sát:**

##### **+ Nước thải công nghiệp.**

Phân tích 31 thông số: gồm Nhiệt độ, pH, màu, BOD<sub>5</sub>, COD, dầu mỡ khoáng, chất rắn lơ lửng (TSS), Cd, As, Hg, mangan, photpho hữu cơ, photpho tổng số, Fe, amoniac, sunfua, nitơ tổng số, Clo dư, nitrat, colifom, Pb, Zn, Cu, Cr<sup>6+</sup>, Cr<sup>3+</sup>, Ni, CN<sup>-</sup>, Phenol, Florua, tổng hoạt động phóng xạ α, tổng hoạt động phóng xạ β.

##### **+ Nước thải làm mát.**

Phân tích 02 thông số: Clo dư, nhiệt độ.

##### **+ Nước thải sinh hoạt.**

Phân tích 16 thông số: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, chất rắn lơ lửng (TSS), Cd, As, Hg, amoni(tính theo N), sunfua, colifom, Pb, Photphat(PO<sup>3</sup><sub>4</sub>), tổng các chất hoạt động bề mặt, Dầu mỡ động thực vật, nitrat, tổng chất rắn hòa tan.

**a.2. Phân tích môi trường nước thải tháng 6,9,12 năm 2026; tháng 3 năm 2027.**

##### **a.2.1. Công tác lấy mẫu nước thải.**

Thực hiện lấy 07 mẫu.

● Các vị trí lấy mẫu:

+ Hồ xi: lấy 02 điểm mẫu

- Tại cống xả tràn hồ xi Khe Lãng

- Tại cống xả tràn hồ xi Bình Giang

+ Nước thải nhiễm dầu lấy 01 điểm dây chuyền 1 ra sông Thương tọa độ X=2336671; Y=582907.

+ Nước thải sinh hoạt lấy 01 điểm DC1 ra kênh tiêu Phao Tân –An Bài tọa độ X=2335408; Y=586558.

+ Hạ lưu cửa xả ra sông Thái Bình DC1 tọa độ X=2334999; Y=582479

+ Hạ lưu cửa xả ra sông Thương DC2 tọa độ X=2338082; Y=584628

+ Nước thải từ khu vực xử lý nước thải dây chuyền 2: lấy 01 điểm tại bể chứa nước sau khi đã xử lý.

**a.2.2. Các thông số phân tích giám sát:**

**+ Nước thải công nghiệp.**

Phân tích 31 thông số: gồm Nhiệt độ, pH, màu, BOD<sub>5</sub>, COD, dầu mỡ khoáng, chất rắn lơ lửng (TSS), Cd, As, Hg, mangan, photpho hữu cơ, photpho tổng số, Fe, amoniac, sunfua, nitơ tổng số, Clo dư, nitrat, colifom, Pb, Zn, Cu, Cr<sup>6+</sup>, Cr<sup>3+</sup>, Ni, CN<sup>-</sup>, Phenol, Florua, tổng hoạt động phóng xạ  $\alpha$ , tổng hoạt động phóng xạ  $\beta$ .

**+ Nước thải làm mát.**

Phân tích 02 thông số: Clo dư, nhiệt độ.

**+ Nước thải sinh hoạt.**

Phân tích 16 thông số: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, chất rắn lơ lửng (TSS), Cd, As, Hg, amoni(tính theo N), sunfua, colifom, Pb, Photphat(PO<sup>3</sup><sub>4</sub>), tổng các chất hoạt động bề mặt, Dầu mỡ động thực vật, nitrat, tổng chất rắn hòa tan.

**b. Nước mặt tháng 4,5,6,7,8,9,10,11,12 năm 2026; tháng 1,2,3 năm 2027.**

**b.1. Công tác lấy mẫu.**

Thực hiện lấy mẫu nước mặt 07 mẫu:

● Các vị trí lấy mẫu:

+ Cửa vào trạm bơm tuần hoàn dây chuyền 1: lấy 01 điểm (cạnh lưới chắn rác)

+ Hạ lưu cửa xả ra sông Thái Bình DC1 tọa độ X=2334999; Y=582479): lấy 01 điểm

+ Thượng lưu cửa xả ra Thái Bình 300m thượng lưu ): lấy 01 điểm

+ Hạ lưu cửa xả ra sông Thương DC2 tọa độ X=2338082; Y=584628: lấy 01 điểm.

+ Thượng lưu cửa xả ra sông Thương 300m ): lấy 01 điểm

- + Cửa vào trạm bơm tuần hoàn dây chuyền 2: lấy 01 điểm (cạnh lưới chắn rác)
- + Cảng dầu lấy 01 điểm, giữa cảng cách bờ 10 - 15 m.

### **b.2. Các thông số phân tích giám sát:**

Phân tích 25 thông số: gồm (pH, BOD<sub>5</sub>, COD, ôxy hoà tan, chất rắn lơ lửng, Amoni, Clorua, Florua, nitrat, nitrit, photphat, Xianua, kẽm, mangan, sắt, đồng, tổng dầu mỡ, colifom, Cd, tổng Cr, Cr<sup>6+</sup>, Ni, As, Hg, Pb).

### **c. Phân tích môi trường không khí xung quanh tháng 4,5,6,7,8,9,10,11,12 năm 2026; tháng 1,2,3 năm 2027.**

#### **c.1. Công tác đo, lấy mẫu.**

Thực hiện lấy 7 điểm đo, lấy mẫu.

##### ● Các vị trí đo, lấy mẫu:

- + Phân xưởng CCNL: 04 điểm
  - \* 01 điểm cảng than dây chuyền 1
  - \* 01 điểm cảng than dây chuyền 2
  - \* 01 điểm phía Nam kho than kín DC1 (giữa, cách 50m từ mép kho) .
  - \* 01 điểm tại kho than kín A DC2.
- + Phân xưởng Vận hành 1: 01 điểm
  - \* 01 điểm tại cột 0 m cạnh máy nghiền khối 2 và khối 3.
- + Phân xưởng Vận hành 2: 02 điểm
  - \* 01 điểm tại cột 0 m cạnh máy nghiền khối 5.
  - \* 01 điểm tại cột 0 m cạnh máy nghiền khối 6.

#### **c.2. Các thông số phân tích giám sát:**

Phân tích 06 thông số gồm: bụi toàn phần; CO; CO<sub>2</sub>; SO<sub>2</sub>; NO<sub>2</sub>; tiếng ồn.

### **d. Môi trường khí thải công nghiệp tháng 6,9,12 năm 2025; tháng 3 năm 2026.**

#### **d.1. Công tác đo, lấy mẫu.**

Thực hiện lấy 03 điểm đo.

##### \* Các vị trí đo, lấy mẫu:

- Phân xưởng VH1 01 điểm.
  - + 01 điểm tại ống khói DC1.
- Phân xưởng VH2 02 điểm
  - 01 điểm tại ống khói Lò 5 DC2
  - 01 điểm tại ống khói Lò 6 DC2

#### **d.2. Các thông số phân tích giám sát:**

Chỉ tiêu phân tích: 09 thông số gồm: Lưu lượng, nhiệt độ, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, bụi tổng, CO, CO<sub>2</sub>, O<sub>2</sub>, áp suất.

### **đ. Môi trường đất tháng 6,9,12 năm 2026; tháng 3 năm 2027.**

#### **đ.1. Công tác đo, lấy mẫu.**

Thực hiện 04 điểm đo, lấy mẫu.

● Các vị trí đo, lấy mẫu:

+ Khu vực Hồ xi Bình Giang

+ Khu vực Hồ xi Khe Lãng

+ Ruộng đội 11: 02 mẫu (phía đông kênh thải DC1 và cách đường 18 khoảng 100 m, thẳng cổng DC2).

#### **đ.2. Các thông số phân tích giám sát:**

Phân tích 08 thông số gồm: pH,  $\Sigma$ N,  $\Sigma$ P, Fe, Pb, Zn, Cu, Cr.

### **2.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

Nhà thầu phải trình bày được các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công, năng lực kinh nghiệm, bố trí nhân lực, huy động máy thi công để thực hiện đầy đủ các nội dung công việc theo chỉ dẫn dưới đây:

#### **2.2.1. Yêu cầu về giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công**

- Nhà thầu mô tả giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công hợp lý, khả thi về công tác lấy mẫu tại hiện trường; bảo quản, vận chuyển mẫu ở các vị trí lấy mẫu trong Công ty, ngoài Công ty và phù hợp với điều kiện huy động máy móc thiết bị, nhân lực và tiến độ theo yêu cầu của HSMT.

- Có đủ điều kiện về phòng thí nghiệm, cơ sở vật chất, phương pháp lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển mẫu; phân tích theo tiêu chuẩn Quốc gia hoặc Quốc tế để thực hiện gói thầu theo quy định của Bộ TN & MT và các quy định khác.

#### **2.2.2 Yêu cầu về máy móc, dụng cụ, thiết bị phục vụ thi công**

Có đủ trang thiết bị, máy móc, dụng cụ, hóa chất thí nghiệm, để thực hiện công việc lấy mẫu, xử lý mẫu, phân tích mẫu về các thông số môi trường, đảm bảo độ chính xác và đáp ứng theo đúng phương pháp phân tích do bộ TN & MT quy định và các quy định khác (Tài liệu chứng minh cho yêu cầu này Giấy kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị còn hiệu lực).

#### **2.2.3. Yêu cầu về biện pháp an toàn thi công, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường.**

- Nhà thầu phải có đầy đủ các trang bị an toàn, có giải pháp phòng chống cháy nổ trong quá trình thi công. Nhà thầu phải nêu rõ phương án đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và phải cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ cho nhân sự, thiết bị và những người xung quanh.

- Nhà thầu phải nêu rõ phương án kỹ thuật, giải pháp thi công, có các biện pháp

bảo đảm vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy.

- Nhà thầu phải có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý và phải cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường

- Trong quá trình thực hiện thi công không làm bụi bẩn ảnh hưởng đến thiết bị và con người xung quanh.

#### **2.2.4. Yêu cầu về biện pháp đảm bảo chất lượng, giám sát, quản lý chất lượng và nghiệm thu công trình.**

- Nhà thầu có biện pháp đảm bảo chất lượng hoàn thành đúng và đầy đủ khối lượng công việc đề ra.

- + Bố trí cán bộ kiểm tra giám sát, theo dõi việc lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển

- + Có dụng cụ, thiết bị, phương pháp kiểm tra, đo đếm giám sát đảm bảo tuân thủ theo quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn Quốc gia, quốc tế; thiết bị, dụng cụ phục vụ thi công phải đảm bảo chất lượng.

- Nghiệm thu công trình:

- + Nghiệm thu công trình theo từng tháng(từng đợt thử nghiệm), sau khi có kết quả thử nghiệm.

- + Thời gian trả kết quả thử nghiệm: Trong vòng 10 - 15 ngày kể từ ngày nhà thầu thực hiện thu mẫu quan trắc.

- + Kết quả thử nghiệm gửi qua email để trao đổi thống nhất thông tin trước khi xuất phiếu kết quả cuối cùng.

- + Phiếu kết quả thử nghiệm(bản chính) cung cấp cụ thể như sau: 15 bộ kết quả thử nghiệm của tất cả các mẫu được quan trắc theo từng tháng (từng đợt thử nghiệm) và từng địa điểm quan trắc.

- + Nếu kết quả kiểm tra thử nghiệm trong tháng của Quý đó không đạt yêu cầu kỹ thuật thì Nhà thầu chịu chi phí thử nghiệm và các chi phí phát sinh khác để thử nghiệm lại đến khi đạt yêu cầu kỹ thuật.

- + Nhà thầu thực hiện quan trắc chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các kết quả thử nghiệm cho chủ đầu tư.

- + Biên bản nghiệm thu công trình theo từng tháng(từng đợt thử nghiệm) làm cơ sở thanh quyết toán công trình.

#### **2.2.5. Yêu cầu về nhân lực phục vụ thi công**

- Nhà thầu phải bố trí đủ nhân lực như Chỉ huy trưởng công trường, Trưởng nhóm phân tích môi trường và cán bộ phụ trách đảm bảo chất lượng, kiểm soát chất lượng, đủ trình độ chuyên môn để thực hiện công việc đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ theo phương án đề ra.

- Nhà thầu phải lập danh sách, bằng cấp, hợp đồng lao động của Chỉ huy trưởng công trường, trưởng nhóm phân tích môi trường và cán bộ phụ trách đảm bảo chất lượng, kiểm soát chất lượng, bản photocopy chứng thực và phải có trong hồ sơ dự thầu.

### 2.2.6. Yêu cầu khác.

- Nhà thầu cung cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phù hợp với lĩnh vực môi trường được cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.

### 2.3. Bảng tiên lượng

- Bảng tiên lượng làm căn cứ tính toán khối lượng công việc. Nhà thầu cần khảo sát để xây dựng phương án cụ thể trong Hồ sơ dự thầu.

- Trường hợp nhà thầu phát hiện tiên lượng chưa chính xác so với thiết kế, nhà thầu thông báo cho bên mời thầu và lập một bảng riêng cho phần khối lượng sai khác này để chủ đầu tư xem xét. Nhà thầu không được tính toán phần khối lượng sai khác này vào giá dự thầu.

Bảng tiên lượng khối lượng công việc

Nhà thầu cung cấp dịch vụ nhân công, máy thi công, thiết bị, vật tư để thực hiện toàn bộ các công việc sau đây:

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
I	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh các tháng từ Quý 2 /2026 đến các tháng Q1/2027</b>			
1	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 4 (6 chỉ tiêu)</b>			
1.1	CO	Mẫu	7	
1.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
1.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
1.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
1.5	Bụi	Mẫu	7	
1.6	Tiếng ồn	Mẫu	7	
2	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 5 (6 chỉ tiêu)</b>			
2.1	CO	Mẫu	7	
2.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
2.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
2.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
2.5	Bụi	Mẫu	7	
2.6	Tiếng ồn	Mẫu	7	
<b>3</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 6 (6 chỉ tiêu)</b>			
3.1	CO	Mẫu	7	
3.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
3.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
3.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
3.5	Bụi	Mẫu	7	
3.6	Tiếng ồn	Mẫu	7	
<b>4</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 7 (6 chỉ tiêu)</b>			
4.1	CO	Mẫu	7	
4.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
4.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
4.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
4.5	Bụi	Mẫu	7	
4.6	Tiếng ồn	Mẫu	7	
<b>5</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 8 (6 chỉ tiêu)</b>			
5.1	CO	Mẫu	7	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
5.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
5.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
5.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
5.5	Bụi	Mẫu	7	
5.6	Tiếng ồn	Mẫu	7	
<b>6</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 9 (6 chỉ tiêu)</b>			
6.1	CO	Mẫu	7	
6.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
6.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
6.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
6.5	Bụi	Mẫu	7	
6.6	Tiếng ồn	Mẫu	7	
<b>7</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 10 (6 chỉ tiêu)</b>			
7.1	CO	Mẫu	7	
7.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
7.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
7.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
7.5	Bụi	Mẫu	7	
7.6	Tiếng ồn	Mẫu	7	
<b>8</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 11 (6 chỉ tiêu)</b>			

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
8.1	CO	Mẫu	7	
8.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
8.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
8.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
8.5	Bụi	Mẫu	7	
8.6	Tiếng ồn	Mẫu	7	
<b>9</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 12 (6 chỉ tiêu)</b>			
9.1	CO	Mẫu	7	
9.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
9.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
9.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
9.5	Bụi	Mẫu	7	
9.6	Tiếng ồn	Mẫu	7	
<b>10</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 1/2027 (6 chỉ tiêu)</b>			
10.1	CO	Mẫu	7	
10.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
10.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
10.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
10.5	Bụi	Mẫu	7	
10.6	Tiếng ồn	Mẫu	7	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
<b>11</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 2/2027 (6 chỉ tiêu)</b>			
11.1	CO	Mẫu	7	
12.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
13.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
14.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
15.5	Bụi	Mẫu	7	
16.6	Tiếng ồn	Mẫu	7	
<b>12</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tháng 3/2027(6 chỉ tiêu)</b>			
12.1	CO	Mẫu	7	
13.2	CO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
14.3	SO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
15.4	NO <sub>2</sub>	Mẫu	7	
16.5	Bụi	Mẫu	7	
17.6	Tiếng ồn	Mẫu	7	
<b>II</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường nước thải các tháng từ Quý 2 /2026 đến các tháng Q1/2027</b>			
<b>1</b>	<b>Nước thải công nghiệp tháng 4(31 chỉ tiêu)</b>			
1.1	Nhiệt độ	Mẫu	2	
1.2	pH	Mẫu	2	
1.3	Màu	Mẫu	2	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2	
1.5	COD	Mẫu	2	
1.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	2	
1.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	2	
1.8	Cd	Mẫu	2	
1.9	As	Mẫu	2	
1.10	Hg	Mẫu	2	
1.11	Mn	Mẫu	2	
1.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	2	
1.13	Photpho tổng số	Mẫu	2	
1.14	Fe	Mẫu	2	
1.15	Amoniac	Mẫu	2	
1.16	Sunfua	Mẫu	2	
1.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	2	
1.18	Clo dư	Mẫu	2	
1.19	Nitrat	Mẫu	2	
1.20	Colifom	Mẫu	2	
1.21	Pb	Mẫu	2	
1.22	Zn	Mẫu	2	
1.23	Cu	Mẫu	2	
1.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	2	
1.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	2	
1.26	Ni	Mẫu	2	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	2	
1.28	Phenol	Mẫu	2	
1.29	Florua	Mẫu	2	
1.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$	Mẫu	2	
1.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$	Mẫu	2	
<b>2</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 4 (02 chỉ tiêu)</i></b>			
2.1	Nhiệt độ	Mẫu	2	
2.2	Clo dư	Mẫu	2	
<b>3</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 4 (16 chỉ tiêu)</i></b>			
3.1	pH	Mẫu	1	
3.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1	
3.3	COD	Mẫu	1	
3.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1	
3.5	Cd	Mẫu	1	
3.6	As	Mẫu	1	
3.7	Hg	Mẫu	1	
3.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1	
3.9	Sunfua	Mẫu	1	
3.10	Colifom	Mẫu	1	
3.11	Pb	Mẫu	1	
3.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )	Mẫu	1	
3.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
3.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1	
3.15	Nitrat	Mẫu	1	
3.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1	
<b>4</b>	<b><i>Nước thải tháng công nghiệp tháng 5(31 chỉ tiêu)</i></b>			
4.1	Nhiệt độ	Mẫu	2	
4.2	pH	Mẫu	2	
4.3	Màu	Mẫu	2	
4.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2	
4.5	COD	Mẫu	2	
4.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	2	
4.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	2	
4.8	Cd	Mẫu	2	
4.9	As	Mẫu	2	
4.10	Hg	Mẫu	2	
4.11	Mn	Mẫu	2	
4.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	2	
4.13	Photpho tổng số	Mẫu	2	
4.14	Fe	Mẫu	2	
4.15	Amoniac	Mẫu	2	
4.16	Sunfua	Mẫu	2	
4.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	2	
4.18	Clo dư	Mẫu	2	
4.19	Nitrat	Mẫu	2	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
4.20	Colifom	Mẫu	2	
4.21	Pb	Mẫu	2	
4.22	Zn	Mẫu	2	
4.23	Cu	Mẫu	2	
4.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	2	
4.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	2	
4.26	Ni	Mẫu	2	
4.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	2	
4.28	Phenol	Mẫu	2	
4.29	Florua	Mẫu	2	
4.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$	Mẫu	2	
4.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$	Mẫu	2	
<b>5</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 5(02 chỉ tiêu)</i></b>			
5.1	Nhiệt độ	Mẫu	2	
5.2	Clo dư.	Mẫu	2	
<b>6</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 5(16 chỉ tiêu)</i></b>			
6.1	pH	Mẫu	1	
6.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1	
6.3	COD	Mẫu	1	
6.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1	
6.5	Cd	Mẫu	1	
6.6	As	Mẫu	1	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
6.7	Hg	Mẫu	1	
6.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1	
6.9	Sunfua	Mẫu	1	
6.10	Colifom	Mẫu	1	
6.11	Pb	Mẫu	1	
6.12	Photphat ( $PO^3_4$ )	Mẫu	1	
6.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1	
6.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1	
6.15	Nitrat	Mẫu	1	
6.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1	
<b>7</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp tháng 6 (31 chỉ tiêu)</i></b>			
7.1	Nhiệt độ	Mẫu	4	
7.2	pH	Mẫu	4	
7.3	Màu	Mẫu	4	
7.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	4	
7.5	COD	Mẫu	4	
7.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	4	
7.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	4	
7.8	Cd	Mẫu	4	
7.9	As	Mẫu	4	
7.10	Hg	Mẫu	4	
7.11	Mn	Mẫu	4	
7.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	4	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
7.13	Photpho tổng số	Mẫu	4	
7.14	Fe	Mẫu	4	
7.15	Amoniac	Mẫu	4	
7.16	Sunfua	Mẫu	4	
7.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	4	
7.18	Clo dư	Mẫu	4	
7.19	Nitrat	Mẫu	4	
7.20	Colifom	Mẫu	4	
7.21	Pb	Mẫu	4	
7.22	Zn	Mẫu	4	
7.23	Cu	Mẫu	4	
7.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	4	
7.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	4	
7.26	Ni	Mẫu	4	
7.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	4	
7.28	Phenol	Mẫu	4	
7.29	Florua	Mẫu	4	
7.30	Tổng hoạt động phóng xạ α	Mẫu	4	
7.31	Tổng hoạt động phóng xạ β	Mẫu	4	
8	<i>Nước thải làm mát tháng 6(02 chỉ tiêu)</i>			
8.1	Nhiệt độ	Mẫu	2	
8.2	Clo dư	Mẫu	2	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
<b>9</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 6(16 chỉ tiêu)</i></b>			
9.1	pH	Mẫu	1	
9.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1	
9.3	COD	Mẫu	1	
9.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1	
9.5	Cd	Mẫu	1	
9.6	As	Mẫu	1	
9.7	Hg	Mẫu	1	
9.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1	
9.9	Sunfua	Mẫu	1	
9.10	Colifom	Mẫu	1	
9.11	Pb	Mẫu	1	
9.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )	Mẫu	1	
9.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1	
9.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1	
9.15	Nitrat	Mẫu	1	
9.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1	
<b>10</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp tháng 7 (31 chỉ tiêu)</i></b>			
10.1	Nhiệt độ	Mẫu	2	
10.2	pH	Mẫu	2	
10.3	Màu	Mẫu	2	
10.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
10.5	COD	Mẫu	2	
10.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	2	
10.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	2	
10.8	Cd	Mẫu	2	
10.9	As	Mẫu	2	
10.10	Hg	Mẫu	2	
10.11	Mn	Mẫu	2	
10.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	2	
10.13	Photpho tổng số	Mẫu	2	
10.14	Fe	Mẫu	2	
10.15	Amoniac	Mẫu	2	
10.16	Sunfua	Mẫu	2	
10.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	2	
10.18	Clo dư	Mẫu	2	
10.19	Nitrat	Mẫu	2	
10.20	Colifom	Mẫu	2	
10.21	Pb	Mẫu	2	
10.22	Zn	Mẫu	2	
10.23	Cu	Mẫu	2	
10.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	2	
10.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	2	
10.26	Ni	Mẫu	2	
10.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	2	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
10.28	Phenol	Mẫu	2	
10.29	Florua	Mẫu	2	
10.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$	Mẫu	2	
10.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$	Mẫu	2	
<b>11</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 7 (02 chỉ tiêu)</i></b>			
11.1	Nhiệt độ	Mẫu	2	
11.2	Clo dư	Mẫu	2	
<b>12</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 7 (16 chỉ tiêu)</i></b>			
12.1	pH	Mẫu	1	
12.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1	
12.3	COD	Mẫu	1	
12.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1	
12.5	Cd	Mẫu	1	
12.6	As	Mẫu	1	
12.7	Hg	Mẫu	1	
12.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1	
12.9	Sunfua	Mẫu	1	
12.10	Colifom	Mẫu	1	
12.11	Pb	Mẫu	1	
12.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )	Mẫu	1	
12.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1	
12.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
12.15	Nitrat	Mẫu	1	
12.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1	
<b>13</b>	<b><i>Nước thải tháng công nghiệp tháng 8(31 chỉ tiêu)</i></b>			
131	Nhiệt độ	Mẫu	2	
13.2	pH	Mẫu	2	
13.3	Màu	Mẫu	2	
13.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2	
13.5	COD	Mẫu	2	
13.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	2	
13.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	2	
13.8	Cd	Mẫu	2	
13.9	As	Mẫu	2	
13.10	Hg	Mẫu	2	
13.11	Mn	Mẫu	2	
13.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	2	
13.13	Photpho tổng số	Mẫu	2	
13.14	Fe	Mẫu	2	
13.15	Amoniac	Mẫu	2	
13.16	Sunfua	Mẫu	2	
13.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	2	
13.18	Clo dư	Mẫu	2	
13.19	Nitrat	Mẫu	2	
13.20	Colifom	Mẫu	2	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
13.21	Pb	Mẫu	2	
13.22	Zn	Mẫu	2	
13.23	Cu	Mẫu	2	
13.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	2	
13.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	2	
13.26	Ni	Mẫu	2	
13.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	2	
13.28	Phenol	Mẫu	2	
13.29	Florua	Mẫu	2	
13.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$	Mẫu	2	
13.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$	Mẫu	2	
<b>14</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 8(02 chỉ tiêu)</i></b>			
14.1	Nhiệt độ	Mẫu	2	
14.2	Clo dư.	Mẫu	2	
<b>15</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 8(16 chỉ tiêu)</i></b>			
15.1	pH	Mẫu	1	
15.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1	
15.3	COD	Mẫu	1	
15.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1	
15.5	Cd	Mẫu	1	
15.6	As	Mẫu	1	
15.7	Hg	Mẫu	1	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
15.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1	
15.9	Sunfua	Mẫu	1	
15.10	Colifom	Mẫu	1	
15.11	Pb	Mẫu	1	
15.12	Photphat ( $PO^3_4$ )	Mẫu	1	
15.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1	
15.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1	
15.15	Nitrat	Mẫu	1	
15.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1	
<b>16</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp tháng 9 (31 chỉ tiêu)</i></b>			
16.1	Nhiệt độ	Mẫu	4	
16.2	pH	Mẫu	4	
16.3	Màu	Mẫu	4	
16.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	4	
16.5	COD	Mẫu	4	
16.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	4	
16.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	4	
16.8	Cd	Mẫu	4	
16.9	As	Mẫu	4	
16.10	Hg	Mẫu	4	
16.11	Mn	Mẫu	4	
16.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	4	
16.13	Photpho tổng số	Mẫu	4	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
16.14	Fe	Mẫu	4	
16.15	Amoniac	Mẫu	4	
16.16	Sunfua	Mẫu	4	
16.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	4	
16.18	Clo dư	Mẫu	4	
16.19	Nitrat	Mẫu	4	
16.20	Colifom	Mẫu	4	
16.21	Pb	Mẫu	4	
16.22	Zn	Mẫu	4	
16.23	Cu	Mẫu	4	
16.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	4	
16.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	4	
16.26	Ni	Mẫu	4	
16.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	4	
16.28	Phenol	Mẫu	4	
16.29	Florua	Mẫu	4	
13.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$	Mẫu	4	
16.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$	Mẫu	4	
<b>17</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 9(02 chỉ tiêu)</i></b>			
17.1	Nhiệt độ	Mẫu	2	
17.2	Clo dư	Mẫu	2	
<b>18</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 9(16 chỉ tiêu)</i></b>			

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
18.1	pH	Mẫu	1	
18.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1	
18.3	COD	Mẫu	1	
18.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1	
18.5	Cd	Mẫu	1	
18.6	As	Mẫu	1	
18.7	Hg	Mẫu	1	
18.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1	
18.9	Sunfua	Mẫu	1	
18.10	Colifom	Mẫu	1	
18.11	Pb	Mẫu	1	
18.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )	Mẫu	1	
18.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1	
18.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1	
18.15	Nitrat	Mẫu	1	
18.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1	
<b>19</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp tháng 10 (31 chỉ tiêu)</i></b>			
19.1	Nhiệt độ	Mẫu	2	
19.2	pH	Mẫu	2	
19.3	Màu	Mẫu	2	
19.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2	
19.5	COD	Mẫu	2	
19.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	2	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
19.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	2	
19.8	Cd	Mẫu	2	
19.9	As	Mẫu	2	
19.10	Hg	Mẫu	2	
19.11	Mn	Mẫu	2	
19.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	2	
19.13	Photpho tổng số	Mẫu	2	
19.14	Fe	Mẫu	2	
19.15	Amoniac	Mẫu	2	
19.16	Sunfua	Mẫu	2	
19.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	2	
19.18	Clo dư	Mẫu	2	
19.19	Nitrat	Mẫu	2	
19.20	Colifom	Mẫu	2	
19.21	Pb	Mẫu	2	
19.22	Zn	Mẫu	2	
19.23	Cu	Mẫu	2	
19.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	2	
19.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	2	
19.26	Ni	Mẫu	2	
19.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	2	
19.28	Phenol	Mẫu	2	
19.29	Florua	Mẫu	2	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
19.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$	Mẫu	2	
19.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$	Mẫu	2	
<b>20</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 10 (02 chỉ tiêu)</i></b>			
20.1	Nhiệt độ	Mẫu	2	
20.2	Clo dư	Mẫu	2	
<b>21</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 10 (16 chỉ tiêu)</i></b>			
21.1	pH	Mẫu	1	
21.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1	
21.3	COD	Mẫu	1	
21.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1	
21.5	Cd	Mẫu	1	
21.6	As	Mẫu	1	
21.7	Hg	Mẫu	1	
21.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1	
21.9	Sunfua	Mẫu	1	
21.10	Colifom	Mẫu	1	
21.11	Pb	Mẫu	1	
21.12	Photphat (PO <sup>3</sup> <sub>4</sub> )	Mẫu	1	
21.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1	
21.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1	
21.15	Nitrat	Mẫu	1	
21.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
22	<i>Nước thải tháng công nghiệp tháng 11 (31 chỉ tiêu)</i>			
22.1	Nhiệt độ	Mẫu	2	
22.2	pH	Mẫu	2	
22.3	Màu	Mẫu	2	
22.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2	
22.5	COD	Mẫu	2	
22.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	2	
22.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	2	
22.8	Cd	Mẫu	2	
22.9	As	Mẫu	2	
22.10	Hg	Mẫu	2	
22.11	Mn	Mẫu	2	
22.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	2	
22.13	Photpho tổng số	Mẫu	2	
22.14	Fe	Mẫu	2	
22.15	Amoniac	Mẫu	2	
22.16	Sunfua	Mẫu	2	
22.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	2	
22.18	Clo dư	Mẫu	2	
22.19	Nitrat	Mẫu	2	
22.20	Colifom	Mẫu	2	
22.21	Pb	Mẫu	2	
22.22	Zn	Mẫu	2	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
22.23	Cu	Mẫu	2	
22.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	2	
22.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	2	
22.26	Ni	Mẫu	2	
22.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	2	
22.28	Phenol	Mẫu	2	
22.29	Florua	Mẫu	2	
22.30	Tổng hoạt động phóng xạ α	Mẫu	2	
22.31	Tổng hoạt động phóng xạ β	Mẫu	2	
<b>23</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 11(02 chỉ tiêu)</i></b>			
23.1	Nhiệt độ	Mẫu	2	
23.2	Clo dư	Mẫu	2	
<b>24</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 11 (16 chỉ tiêu)</i></b>			
24.1	pH	Mẫu	1	
24.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1	
24.3	COD	Mẫu	1	
24.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1	
24.5	Cd	Mẫu	1	
24.6	As	Mẫu	1	
24.7	Hg	Mẫu	1	
24.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1	
24.9	Sunfua	Mẫu	1	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
24.10	Colifom	Mẫu	1	
24.11	Pb	Mẫu	1	
24.12	Photphat ( $PO^3_4$ )	Mẫu	1	
15.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1	
24.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1	
24.15	Nitrat	Mẫu	1	
24.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1	
<b>25</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp tháng 12 (31 chỉ tiêu)</i></b>			
25.1	Nhiệt độ	Mẫu	4	
25.2	pH	Mẫu	4	
25.3	Màu	Mẫu	4	
25.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	4	
25.5	COD	Mẫu	4	
25.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	4	
25.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	4	
25.8	Cd	Mẫu	4	
25.9	As	Mẫu	4	
25.10	Hg	Mẫu	4	
25.11	Mn	Mẫu	4	
25.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	4	
25.13	Photpho tổng số	Mẫu	4	
25.14	Fe	Mẫu	4	
25.15	Amoniac	Mẫu	4	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
25.16	Sunfua	Mẫu	4	
25.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	4	
25.18	Clo dư	Mẫu	4	
25.19	Nitrat	Mẫu	4	
25.20	Colifom	Mẫu	4	
25.21	Pb	Mẫu	4	
25.22	Zn	Mẫu	4	
25.23	Cu	Mẫu	4	
25.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	4	
25.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	4	
25.26	Ni	Mẫu	4	
25.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	4	
25.28	Phenol	Mẫu	4	
25.29	Florua	Mẫu	4	
25.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$	Mẫu	4	
25.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$	Mẫu	4	
<b>26</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 12(02 chỉ tiêu)</i></b>			
26.1	Nhiệt độ	Mẫu	2	
26.2	Clo dư	Mẫu	2	
<b>27</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 12(16 chỉ tiêu)</i></b>			
27.1	pH	Mẫu	1	
27.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
27.3	COD	Mẫu	1	
27.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1	
27.5	Cd	Mẫu	1	
27.6	As	Mẫu	1	
27.7	Hg	Mẫu	1	
27.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1	
27.9	Sunfua	Mẫu	1	
27.10	Colifom	Mẫu	1	
27.11	Pb	Mẫu	1	
27.12	Photphat ( $PO^3_4$ )	Mẫu	1	
27.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1	
27.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1	
27.15	Nitrat	Mẫu	1	
27.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1	
<b>28</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp tháng 1/2027 (31 chỉ tiêu)</i></b>			
28.1	Nhiệt độ	Mẫu	2	
28.2	pH	Mẫu	2	
28.3	Màu	Mẫu	2	
28.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2	
28.5	COD	Mẫu	2	
28.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	2	
28.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	2	
28.8	Cd	Mẫu	2	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
28.9	As	Mẫu	2	
28.10	Hg	Mẫu	2	
28.11	Mn	Mẫu	2	
28.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	2	
28.13	Photpho tổng số	Mẫu	2	
28.14	Fe	Mẫu	2	
28.15	Amoniac	Mẫu	2	
28.16	Sunfua	Mẫu	2	
28.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	2	
28.18	Clo dư	Mẫu	2	
28.19	Nitrat	Mẫu	2	
28.20	Colifom	Mẫu	2	
28.21	Pb	Mẫu	2	
28.22	Zn	Mẫu	2	
28.23	Cu	Mẫu	2	
28.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	2	
28.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	2	
28.26	Ni	Mẫu	2	
28.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	2	
28.28	Phenol	Mẫu	2	
28.29	Florua	Mẫu	2	
28.30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$	Mẫu	2	
28.31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$	Mẫu	2	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
<b>29</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 1/2027 (02 chỉ tiêu)</i></b>			
29.1	Nhiệt độ	Mẫu	2	
29.2	Clo dư	Mẫu	2	
<b>30</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 1/2027 (16 chỉ tiêu)</i></b>			
30.1	pH	Mẫu	1	
30.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1	
30.3	COD	Mẫu	1	
30.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1	
30.5	Cd	Mẫu	1	
30.6	As	Mẫu	1	
30.7	Hg	Mẫu	1	
30.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1	
30.9	Sunfua	Mẫu	1	
30.10	Colifom	Mẫu	1	
30.11	Pb	Mẫu	1	
30.12	Photphat (PO <sup>3</sup> 4)	Mẫu	1	
30.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1	
30.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1	
30.15	Nitrat	Mẫu	1	
30.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1	
<b>31</b>	<b><i>Nước thải tháng công nghiệp tháng 2/2027 (31 chỉ tiêu)</i></b>			
31.1	Nhiệt độ	Mẫu	2	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
31.2	pH	Mẫu	2	
31.3	Màu	Mẫu	2	
31.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2	
31.5	COD	Mẫu	2	
31.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	2	
31.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	2	
31.8	Cd	Mẫu	2	
31.9	As	Mẫu	2	
31.10	Hg	Mẫu	2	
31.11	Mn	Mẫu	2	
31.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	2	
31.13	Photpho tổng số	Mẫu	2	
31.14	Fe	Mẫu	2	
31.15	Amoniac	Mẫu	2	
31.16	Sunfua	Mẫu	2	
31.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	2	
31.18	Clo dư	Mẫu	2	
31.19	Nitrat	Mẫu	2	
31.20	Colifom	Mẫu	2	
31.21	Pb	Mẫu	2	
31.22	Zn	Mẫu	2	
31.23	Cu	Mẫu	2	
31.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	2	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
31.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	2	
31.26	Ni	Mẫu	2	
31.27	CN <sup>-</sup>	Mẫu	2	
31.28	Phenol	Mẫu	2	
31.29	Florua	Mẫu	2	
31.30	Tổng hoạt động phóng xạ α	Mẫu	2	
31.31	Tổng hoạt động phóng xạ β	Mẫu	2	
<b>32</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 2/2027(02 chỉ tiêu)</i></b>			
32.1	Nhiệt độ	Mẫu	2	
32.2	Clo dư	Mẫu	2	
<b>33</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 2/2027 (16 chỉ tiêu)</i></b>			
33.1	pH	Mẫu	1	
33.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1	
33.3	COD	Mẫu	1	
33.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1	
33.5	Cd	Mẫu	1	
33.6	As	Mẫu	1	
33.7	Hg	Mẫu	1	
33.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1	
33.9	Sunfua	Mẫu	1	
33.10	Colifom	Mẫu	1	
33.11	Pb	Mẫu	1	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
33.12	Photphat ( $PO^3_4$ )	Mẫu	1	
33.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1	
33.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1	
33.15	Nitrat	Mẫu	1	
33.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1	
<b>34</b>	<b><i>Nước thải công nghiệp tháng 3/2027 (31 chỉ tiêu)</i></b>			
34.1	Nhiệt độ	Mẫu	4	
34.2	pH	Mẫu	4	
34.3	Màu	Mẫu	4	
34.4	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	4	
34.5	COD	Mẫu	4	
34.6	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	4	
34.7	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	4	
34.8	Cd	Mẫu	4	
34.9	As	Mẫu	4	
34.10	Hg	Mẫu	4	
34.11	Mn	Mẫu	4	
34.12	Photpho hữu cơ	Mẫu	4	
34.13	Photpho tổng số	Mẫu	4	
34.14	Fe	Mẫu	4	
34.15	Amoniac	Mẫu	4	
34.16	Sunfua	Mẫu	4	
34.17	Ni tơ tổng số	Mẫu	4	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
34.18	Clo dư	Mẫu	4	
34.19	Nitrat	Mẫu	4	
34.20	Colifom	Mẫu	4	
34.21	Pb	Mẫu	4	
34.22	Zn	Mẫu	4	
34.23	Cu	Mẫu	4	
34.24	Cr <sup>3+</sup>	Mẫu	4	
34.25	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	4	
34.26	Ni	Mẫu	4	
34.27	CN <sup>-</sup> 7	Mẫu	4	
34.28	Phenol	Mẫu	4	
34.29	Florua	Mẫu	4	
34.30	Tổng hoạt động phóng xạ α	Mẫu	4	
34.31	Tổng hoạt động phóng xạ β	Mẫu	4	
<b>35</b>	<b><i>Nước thải làm mát tháng 3/2027 (02 chỉ tiêu)</i></b>			
35.1	Nhiệt độ	Mẫu	2	
35.2	Clo dư	Mẫu	2	
<b>36</b>	<b><i>Nước thải sinh hoạt tháng 3/2027 (16 chỉ tiêu)</i></b>			
36.1	pH	Mẫu	1	
36.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1	
36.3	COD	Mẫu	1	
36.4	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	1	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
36.5	Cd	Mẫu	1	
36.6	As	Mẫu	1	
36.7	Hg	Mẫu	1	
36.8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1	
36.9	Sunfua	Mẫu	1	
36.10	Colifom	Mẫu	1	
36.11	Pb	Mẫu	1	
36.12	Photphat ( $PO^3_4$ )	Mẫu	1	
36.13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1	
36.14	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1	
36.15	Nitrat	Mẫu	1	
36.16	Tổng chất rắn hòa tan	Mẫu	1	
<b>III</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường nước mặt các tháng từ Quý 2 /2026 đến các tháng Q1/2027</b>			
<i>1</i>	<i>Nước mặt tháng 4(25 chỉ tiêu)</i>			
1.1	pH	Mẫu	7	
1.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7	
1.3	COD	Mẫu	7	
1.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7	
1.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7	
1.6	Amoni	Mẫu	7	
1.7	Clorua	Mẫu	7	
1.8	Florua	Mẫu	7	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1.9	Nitrat	Mẫu	7	
1.10	Nitrit	Mẫu	7	
1.11	Photphat	Mẫu	7	
1.12	Xianua	Mẫu	7	
1.13	Zn	Mẫu	7	
1.14	Mn	Mẫu	7	
1.15	Fe	Mẫu	7	
1.16	Cu	Mẫu	7	
1.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7	
1.18	Colifom	Mẫu	7	
1.19	Cd	Mẫu	7	
1.20	Tổng Cr	Mẫu	7	
1.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7	
1.22	Ni	Mẫu	7	
1.23	As	Mẫu	7	
1.24	Hg	Mẫu	7	
1.25	Pb	Mẫu	7	
<b>2</b>	<b><i>Nước mặt tháng 5(25 chỉ tiêu)</i></b>			
2.1	pH	Mẫu	7	
2.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	<b>7</b>	
2.3	COD	Mẫu	7	
2.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7	
2.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
2.6	Amoni	Mẫu	7	
2.7	Clorua	Mẫu	7	
2.8	Florua	Mẫu	7	
2.9	Nitrat	Mẫu	7	
2.10	Nitrit	Mẫu	7	
2.11	Photphat	Mẫu	7	
2.12	Xianua	Mẫu	7	
2.13	Zn	Mẫu	7	
2.14	Mn	Mẫu	7	
2.15	Fe	Mẫu	7	
2.16	Cu	Mẫu	7	
2.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7	
2.18	Colifom	Mẫu	7	
2.19	Cd	Mẫu	7	
2.20	Tổng Cr	Mẫu	7	
2.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7	
2.22	Ni	Mẫu	7	
2.23	As	Mẫu	7	
2.24	Hg	Mẫu	7	
2.25	Pb	Mẫu	7	
<b>3</b>	<b><i>Nước mặt tháng 6(25 chỉ tiêu)</i></b>			
3.1	pH	Mẫu	7	
3.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	<b>7</b>	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
3.3	COD	Mẫu	7	
3.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7	
3.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7	
3.6	Amoni	Mẫu	7	
3.7	Clorua	Mẫu	7	
3.8	Florua	Mẫu	7	
3.9	Nitrat	Mẫu	7	
3.10	Nitrit	Mẫu	7	
3.11	Photphat	Mẫu	7	
3.12	Xianua	Mẫu	7	
3.13	Zn	Mẫu	7	
3.14	Mn	Mẫu	7	
3.15	Fe	Mẫu	7	
3.16	Cu	Mẫu	7	
3.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7	
3.18	Colifom	Mẫu	7	
3.19	Cd	Mẫu	7	
3.20	Tổng Cr	Mẫu	7	
3.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7	
3.22	Ni	Mẫu	7	
3.23	As	Mẫu	7	
3.24	Hg	Mẫu	7	
3.25	Pb	Mẫu	7	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
<b>4</b>	<b>Nước mặt tháng 7(25 chỉ tiêu)</b>			
4.1	pH	Mẫu	7	
4.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7	
4.3	COD	Mẫu	7	
4.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7	
4.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7	
4.6	Amoni	Mẫu	7	
4.7	Clorua	Mẫu	7	
4.8	Florua	Mẫu	7	
4.9	Nitrat	Mẫu	7	
4.10	Nitrit	Mẫu	7	
4.11	Photphat	Mẫu	7	
4.12	Xianua	Mẫu	7	
4.13	Zn	Mẫu	7	
4.14	Mn	Mẫu	7	
4.15	Fe	Mẫu	7	
4.16	Cu	Mẫu	7	
4.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7	
4.18	Colifom	Mẫu	7	
4.19	Cd	Mẫu	7	
4.20	Tổng Cr	Mẫu	7	
4.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7	
4.22	Ni	Mẫu	7	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
4.23	As	Mẫu	7	
4.24	Hg	Mẫu	7	
4.25	Pb	Mẫu	7	
<b>5</b>	<b>Nước mặt tháng 8(25 chỉ tiêu)</b>			
5.1	pH	Mẫu	7	
5.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7	
5.3	COD	Mẫu	7	
5.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7	
5.6	Amoni	Mẫu	7	
5.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7	
5.7	Clorua	Mẫu	7	
5.8	Florua	Mẫu	7	
5.9	Nitrat	Mẫu	7	
5.10	Nitrit	Mẫu	7	
5.11	Photphat	Mẫu	7	
5.12	Xianua	Mẫu	7	
5.13	Zn	Mẫu	7	
5.14	Mn	Mẫu	7	
5.15	Fe	Mẫu	7	
5.16	Cu	Mẫu	7	
5.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7	
5.18	Colifom	Mẫu	7	
5.19	Cd	Mẫu	7	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
5.20	Tổng Cr	Mẫu	7	
5.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7	
5.22	Ni	Mẫu	7	
5.23	As	Mẫu	7	
5.24	Hg	Mẫu	7	
5.25	Pb	Mẫu	7	
<b>6</b>	<b>Nước mặt tháng 9(25 chỉ tiêu)</b>			
6.1	pH	Mẫu	7	
6.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7	
6.3	COD	Mẫu	7	
6.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7	
6.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7	
6.6	Amoni	Mẫu	7	
6.7	Clorua	Mẫu	7	
6.8	Florua	Mẫu	7	
6.9	Nitrat	Mẫu	7	
6.10	Nitrit	Mẫu	7	
6.11	Photphat	Mẫu	7	
6.12	Xianua	Mẫu	7	
6.13	Zn	Mẫu	7	
6.14	Mn	Mẫu	7	
6.15	Fe	Mẫu	7	
6.16	Cu	Mẫu	7	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
6.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7	
6.18	Colifom	Mẫu	7	
6.19	Cd	Mẫu	7	
6.20	Tổng Cr	Mẫu	7	
6.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7	
6.22	Ni	Mẫu	7	
6.23	As	Mẫu	7	
6.24	Hg	Mẫu	7	
6.25	Pb	Mẫu	7	
<b>7</b>	<b><i>Nước mặt tháng 10(25 chỉ tiêu)</i></b>			
7.1	pH	Mẫu	7	
7.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7	
7.3	COD	Mẫu	7	
7.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7	
7.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7	
7.6	Amoni	Mẫu	7	
7.7	Clorua	Mẫu	7	
7.8	Florua	Mẫu	7	
7.9	Nitrat	Mẫu	7	
7.10	Nitrit	Mẫu	7	
7.11	Photphat	Mẫu	7	
7.12	Xianua	Mẫu	7	
7.13	Zn	Mẫu	7	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
7.14	Mn	Mẫu	7	
7.15	Fe	Mẫu	7	
7.16	Cu	Mẫu	7	
7.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7	
7.18	Colifom	Mẫu	7	
7.19	Cd	Mẫu	7	
7.20	Tổng Cr	Mẫu	7	
7.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7	
7.22	Ni	Mẫu	7	
7.23	As	Mẫu	7	
7.24	Hg	Mẫu	7	
7.25	Pb	Mẫu	7	
<b>8</b>	<b>Nước mặt tháng 11(25 chỉ tiêu)</b>			
8.1	pH	Mẫu	7	
8.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7	
8.3	COD	Mẫu	7	
8.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7	
8.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7	
8.6	Amoni	Mẫu	7	
8.7	Clorua	Mẫu	7	
8.8	Florua	Mẫu	7	
8.9	Nitrat	Mẫu	7	
8.10	Nitrit	Mẫu	7	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
8.11	Photphat	Mẫu	7	
8.12	Xianua	Mẫu	7	
8.13	Zn	Mẫu	7	
8.14	Mn	Mẫu	7	
8.15	Fe	Mẫu	7	
8.16	Cu	Mẫu	7	
8.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7	
8.18	Colifom	Mẫu	7	
8.19	Cd	Mẫu	7	
8.20	Tổng Cr	Mẫu	7	
8.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7	
8.22	Ni	Mẫu	7	
8.23	As	Mẫu	7	
8.24	Hg	Mẫu	7	
8.25	Pb	Mẫu	7	
<b>9</b>	<b>Nước mặt tháng 12(25 chỉ tiêu)</b>			
9.1	pH	Mẫu	7	
9.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7	
9.3	COD	Mẫu	7	
9.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7	
9.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7	
9.6	Amoni	Mẫu	7	
9.7	Clorua	Mẫu	7	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
9.8	Florua	Mẫu	7	
9.9	Nitrat	Mẫu	7	
9.10	Nitrit	Mẫu	7	
9.11	Photphat	Mẫu	7	
9.12	Xianua	Mẫu	7	
9.13	Zn	Mẫu	7	
9.14	Mn	Mẫu	7	
9.15	Fe	Mẫu	7	
9.16	Cu	Mẫu	7	
9.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7	
9.18	Colifom	Mẫu	7	
9.19	Cd	Mẫu	7	
9.20	Tổng Cr	Mẫu	7	
9.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7	
9.22	Ni	Mẫu	7	
9.23	As	Mẫu	7	
9.24	Hg	Mẫu	7	
9.25	Pb	Mẫu	7	
<b>10</b>	<b><i>Nước mặt tháng 1/2027(25 chỉ tiêu)</i></b>			
10.1	pH	Mẫu	7	
10.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	<b>7</b>	
10.3	COD	Mẫu	7	
10.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
10.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7	
10.6	Amoni	Mẫu	7	
10.7	Clorua	Mẫu	7	
10.8	Florua	Mẫu	7	
10.9	Nitrat	Mẫu	7	
10.10	Nitrit	Mẫu	7	
10.11	Photphat	Mẫu	7	
10.12	Xianua	Mẫu	7	
10.13	Zn	Mẫu	7	
10.14	Mn	Mẫu	7	
10.15	Fe	Mẫu	7	
10.16	Cu	Mẫu	7	
10.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7	
10.18	Colifom	Mẫu	7	
10.19	Cd	Mẫu	7	
10.20	Tổng Cr	Mẫu	7	
10.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7	
10.22	Ni	Mẫu	7	
10.23	As	Mẫu	7	
10.24	Hg	Mẫu	7	
10.25	Pb	Mẫu	7	
<b>11</b>	<b>Nước mặt tháng 2/2027(25 chỉ tiêu)</b>			
11.1	pH	Mẫu	7	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
11.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7	
11.3	COD	Mẫu	7	
11.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7	
11.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7	
11.6	Amoni	Mẫu	7	
11.7	Clorua	Mẫu	7	
11.8	Florua	Mẫu	7	
11.9	Nitrat	Mẫu	7	
11.10	Nitrit	Mẫu	7	
11.11	Photphat	Mẫu	7	
11.12	Xianua	Mẫu	7	
11.13	Zn	Mẫu	7	
11.14	Mn	Mẫu	7	
11.15	Fe	Mẫu	7	
11.16	Cu	Mẫu	7	
11.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7	
11.18	Colifom	Mẫu	7	
11.19	Cd	Mẫu	7	
11.20	Tổng Cr	Mẫu	7	
11.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7	
11.22	Ni	Mẫu	7	
11.23	As	Mẫu	7	
11.24	Hg	Mẫu	7	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
11.25	Pb	Mẫu	7	
<b>12</b>	<b><i>Nước mặt tháng 3/2027(25 chỉ tiêu)</i></b>			
12.1	pH	Mẫu	7	
12.2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	7	
12.3	COD	Mẫu	7	
12.4	Ô xi hòa tan	Mẫu	7	
12.5	TSS (Chất rắn lơ lửng)	Mẫu	7	
12.6	Amoni	Mẫu	7	
12.7	Clorua	Mẫu	7	
12.8	Florua	Mẫu	7	
12.9	Nitrat	Mẫu	7	
12.10	Nitrit	Mẫu	7	
12.11	Photphat	Mẫu	7	
12.12	Xianua	Mẫu	7	
12.13	Zn	Mẫu	7	
12.14	Mn	Mẫu	7	
12.15	Fe	Mẫu	7	
12.16	Cu	Mẫu	7	
12.17	Tổng dầu mỡ	Mẫu	7	
12.18	Colifom	Mẫu	7	
12.19	Cd	Mẫu	7	
12.20	Tổng Cr	Mẫu	7	
12.21	Cr <sup>6+</sup>	Mẫu	7	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
12.22	Ni	Mẫu	7	
12.23	As	Mẫu	7	
12.24	Hg	Mẫu	7	
12.25	Pb	Mẫu	7	
<b>IV</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường khí thải công nghiệp tháng 6/2026, tháng 9/2026, tháng 12/2026 và tháng 3/2027</b>			
<b>1</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường khí thải công nghiệp theo quy định tháng 6 (9 chỉ tiêu)</b>			
1.1	SO <sub>2</sub>	Mẫu	9	
1.2	NO <sub>x</sub>	Mẫu	9	
1.3	Bụi tổng	Mẫu	9	
1.4	Lưu lượng	Mẫu	9	
1.5	Nhiệt độ	Mẫu	9	
1.6	O <sub>2</sub>	Mẫu	9	
1.7	CO	Mẫu	9	
1.8	CO <sub>2</sub>	Mẫu	9	
1.9	Áp suất	Mẫu	9	
<b>2</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường khí thải công nghiệp theo quy định tháng 9 (9 chỉ tiêu)</b>			
2.1	SO <sub>2</sub>	Mẫu	9	
2.2	NO <sub>x</sub>	Mẫu	9	
2.3	Bụi tổng	Mẫu	9	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
2.4	Lưu lượng	Mẫu	9	
2.5	Nhiệt độ	Mẫu	9	
2.6	O <sub>2</sub>	Mẫu	9	
2.7	CO	Mẫu	9	
2.8	CO <sub>2</sub>	Mẫu	9	
2.9	Áp suất	Mẫu	9	
<b>3</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường khí thải công nghiệp theo quy định tháng 12 (9 chỉ tiêu)</b>			
3.1	SO <sub>2</sub>	Mẫu	9	
3.2	NO <sub>x</sub>	Mẫu	9	
3.3	Bụi tổng	Mẫu	9	
3.4	Lưu lượng	Mẫu	9	
3.5	Nhiệt độ	Mẫu	9	
3.6	O <sub>2</sub>	Mẫu	9	
3.7	CO	Mẫu	9	
3.8	CO <sub>2</sub>	Mẫu	9	
3.9	Áp suất	Mẫu	9	
<b>4</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường khí thải công nghiệp theo quy định tháng 3/2027 (9 chỉ tiêu)</b>			
4.1	SO <sub>2</sub>	Mẫu	9	
4.2	NO <sub>x</sub>	Mẫu	9	
4.3	Bụi tổng	Mẫu	9	
4.4	Lưu lượng	Mẫu	9	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
4.5	Nhiệt độ	Mẫu	9	
4.6	O <sub>2</sub>	Mẫu	9	
4.7	CO	Mẫu	9	
4.8	CO <sub>2</sub>	Mẫu	9	
4.9	Áp suất	Mẫu	9	
<b>V</b>	<b>Phân tích chất lượng môi trường đất tháng tháng 6/2026, tháng 9/2026, tháng 12/2026 và tháng 3/2027</b>			
<b>1</b>	<b>Chất lượng đất tháng 6/2026 (8 chỉ tiêu)</b>			
1.1	pH	Mẫu	4	
1.2	Σ N (Tổng Nito)	Mẫu	4	
1.3	Σ P (Tổng Photpho)	Mẫu	4	
1.4	Fe (Sắt)	Mẫu	4	
1.5	Pb (Chì)	Mẫu	4	
1.6	Zn (Kẽm)	Mẫu	4	
1.7	Cu (Đồng)	Mẫu	4	
1.8	Cr (Crom)	Mẫu	4	
<b>1</b>	<b>Chất lượng đất tháng 9/2026 (8 chỉ tiêu)</b>			
2.1	pH	Mẫu	4	
2.2	Σ N (Tổng Nito)	Mẫu	4	
2.3	Σ P (Tổng Photpho)	Mẫu	4	
2.4	Fe (Sắt)	Mẫu	4	

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
2.5	Pb (Chì)	Mẫu	4	
2.6	Zn (Kẽm)	Mẫu	4	
2.7	Cu (Đồng)	Mẫu	4	
2.8	Cr (Crom)	Mẫu	4	
<b>2</b>	<b>Chất lượng đất tháng 12/2026 (8 chỉ tiêu)</b>			
2.1	pH	Mẫu	4	
2.2	$\Sigma$ N (Tổng Nito)	Mẫu	4	
2.3	$\Sigma$ P (Tổng Photpho)	Mẫu	4	
2.4	Fe (Sắt)	Mẫu	4	
2.5	Pb (Chì)	Mẫu	4	
2.6	Zn (Kẽm)	Mẫu	4	
2.7	Cu (Đồng)	Mẫu	4	
2.8	Cr (Crom)	Mẫu	4	
<b>3</b>	<b>Chất lượng đất tháng 3/2027(8 chỉ tiêu)</b>			
3.1	pH	Mẫu	4	
3.2	$\Sigma$ N (Tổng Nito)	Mẫu	4	
3.3	$\Sigma$ P (Tổng Photpho)	Mẫu	4	
3.4	Fe (Sắt)	Mẫu	4	
3.5	Pb (Chì)	Mẫu	4	
3.6	Zn (Kẽm)	Mẫu	4	
3.7	Cu (Đồng)	Mẫu	4	
3.8	Cr (Crom)	Mẫu	4	

#### **2.4. Chỉ dẫn kỹ thuật**

Nhà thầu xây dựng phương án thực hiện các công việc chi tiết nêu trong Mục 2 chương này.

#### **2.5. Các bản vẽ**

- E-HSMT không áp dụng bản vẽ.
- Nhà thầu tham khảo tài liệu kỹ thuật tại phòng lưu trữ của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.